

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



28th Asian Youth Chess Championships 2026									
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
Group 12					Round 8				
Date 23/7					Board 1				
WHITE Le Phan Hoang Quan					FED VIE				
BLACK Tulegen, Ramazan					FED KAZ				
RESULT (W) 1					RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	130 Nf6	130	b4	101 Nc6	133	41	Rf2	Qh5
2	c4	131 e6	131	04	039	033	42	Qd7	Bf5
3	Nf3	131 d5	131	h4	056	Q07	031	Rc7	Rf8
4	g3	132 Bb4	132	e3	054	Rc8	016	Bd5	R46
5	Bd2	132 Bd6	132	Bh3	053	Qb8	025	Qe7	B06
6	Bg2	132 0-0	132	g4	047	g5	025	Rc6	Qf5
7	0-0	132 Nc6	132	h4	054	Nf5	024	Bg5	Nat
8	exd5	132 exd5	132	Bg2	047	Qd6	024	Qd5	Rf5
9	Nc3	132 h6	132	Qc5	045	Qb6	019	Kf2	Qm
10	Nb5	132 Nf5	132	Qb6	043	Nd7	019	f6	Kg7
11	Nd6	132 Qd6	132	Qxh7	044	Nxh7		Rh3	Qh3
12	Qb3	136 Rf2	136	dxc5	h7	14		Rc6	h2
13	Bf4	136 Qd8	136	Bh6	037	Qb6	014	RQ8	BQ2
14	Rac1	136 c6	136	Qd7	037	Rd6	014	Qc7	Nc8
15	Ne5	134 c6	134	Qxc6	032	Re6	009	Q5	Bh3
16	Qc3	108 Bf5	108	Qc7	Rd1	108		Bg2	Bc4
17	f3	107 N06	107	f4	026	Nh3		Kg7	Kh7
18	B03	107 Nf8	107	Kh2	f5	04		Kv42	Q00
19	Bf2	103 Bh7	103	Kg3	d4			Bh7	Qe5
20	Rf1	103 Rad8	103	Rc4	d03	100		Q6	Q
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]			[Signature]			[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



28th Asian Youth Chess Championships 2026									
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛									
Group 12					Round 8				
Date					Board 1				
WHITE Lephon Hoang Quan					FED vie				
BLACK Tulegen R					FED KAZ				
RESULT (W) 1					RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Kb6	21	b4	Kb6	41	Qc3	Pf5	
2	c4	e6	22	Q4	Q6	42	Pd7	Cf5	
3	Kf3	d5	23	h4	Qd7	43	Qc7	Nf8	
4	g3	c6	24	e3	Qc8	44	Cd5	Nh6	
5	Cd2	Cd6	25	Ch3	Qb8	45	Qd7	Qf6	
6	Qd2	0-0	26	g4	Q5	46	Qc6	Q5	
7	0-0	Kf6	27	h4	Qd5	47	Cd5	Kg5	
8	Cd	e6	28	Qd2	Qd6	48	Qd5	Qh3	
9	Kf3	h6	29	Qc5	Qe6	49	Qd5	Qh3	
10	Kb5	Kd7	30	Qb6	Kd7	50	Qd5	Qh3	
11	Kd6	Qd6	31	Qd7	Kf5	51	Qd5	Qh3	
12	Qh6	Qc8	32	Qe	h5	52	Qd5	Qh3	
13	Lh4	Qd8	33	Ch4	Qh6	53	Qd5	Qh3	
14	Qd1	c6	34	Qd7	Qc8	54	Qd5	Qh3	
15	Kb5	Qb6	35	Qb6	Qc6	55	Qd5	Qh3	
16	Qc3	Cf5	36	Qc7	Qc8	56	Qd5	Qh3	
17	f3	Kg6	37	f4	Kh3	57	Qd5	Qh3	
18	Cc3	Kf6	38	Kh2	Qd7	58	Qd5	Qh3	
19	Cf2	Ch7	39	Kh3	d4	59	Qd5	Qh3	
20	Qd1	Qd8	40	Qc4	d03	60	Qd5	Qh3	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]			[Signature]			[Signature]			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
23/07/2026

Group
B/2

Round
8

Board
2

WHITE Kiringoda Thehas Rithmrittha				FED Sri Lanka				RESULT (W) 1			
BLACK Oishik Mondol				FED India				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	f3	O's2 Qxg3	41	Qh3+	Kg7			
2	d4	d5	22	Ne2	Qg2	42	Qd7				
3	Nc3	Bb4	23	Rag1	Qxh1	43					
4	e5	c5	24	Rh1	O's3 Rg8	44					
5	a3	Bx3	25	Rg1	Rg6	45					
6	bxc3	Qa5	26	Rxg5	Rag8	46					
7	Bd2	Qd4	27	Rxg6	hxg6	47					
8	Nf3	Ne7	28	Qg5	Kh7	48					
9	dxc5	O-O	29	Ng3	Bc6	49					
10	Bd3	Ng6	30	Hp3	a5	50					
11	h4	Nd7	31	Ne4	Bx04	51					
12	Qe2	Nxc5	32	fxc4	b5	52					
13	h5	Nf4	33	Kf4	a4	53					
14	Bxf4	Qxf4	34	Qe7	Kxh6	54					
15	h6	Nxd3	35	Qxf7	Rg8	55					
16	cxtd3	g5	36	Qf6	Kh7	56					
17	g3	Qg4	37	Hg5	b4	57					
18	Qe3	d4	38	cx64	Rg8	58					
19	Nxd4	Bd7	39	Qxg6	Rg7	59					
20	Kd2	Kh8	40	d4	Rg8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
I				Oishik.M				Jiang Xu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
2026/07/23

Group
U-12 Boys

Round
08

Board
02

WHITE Thehas Kiringoda				FED SRI				RESULT (W) 1			
BLACK Oishik Mondol				FED IND				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	f3	Qxg3	41	Qh3	Kg7			
2	d4	d5	22	Ne2	Qg2	42	Qd7				
3	Nc3	Bb4	23	Rxg1	Qxh1	43					
4	e5	c5	24	Rxh1	Rg8	44					
5	a3	Bxc3	25	Rg1	Rg6	45					
6	bxc3	Qa5	26	Rxg5	Rag8	46					
7	Bd2	Qa4	27	Rxg6	hxg6	47					
8	Nf3	Ne7	28	Qg5	Kh7	48					
9	dxc5	O-O	29	Ng3	Bc6	49					
10	Bd3	Ng6	30	Ke3	a5	50					
11	h4	Nd7	31	Ne4	Bxe4	51					
12	Qe2	Nxc5	32	fxc4	b5	52					
13	h5	Nf4	33	Kf4	a4	53					
14	Bxf4	Qxf4	34	Qe7	Kxh6	54					
15	h6	Nxd3	35	Qxf7	Rg7	55					
16	cxtd3	g5	36	Qf6	Kh7	56					
17	g3	Qg4	37	Kg5	b4	57					
18	Qe3	d4	38	cx64	Rg8	58					
19	Nxd4	Bd7	39	Qxg6	Rg7	59					
20	Kd2	Kh8	40	d4	Rg8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
I				Oishik M				Jiang Xu			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:42

Group VII
Round 8
Date 23.06.2026
Board 3

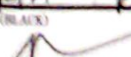
WHITE <u>Indroek</u>				BLACK <u>Vuong X</u>				
FID <u>R22</u>				FID <u>VIE</u>				
RESULT (W)				RESULT (B)				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qc2	Rac8	41	b7	1e3
2	Nc3	e6	22	Rae1	Qb2	42	Rc2	1d5
3	d4	c6	23	Qc5	Nd4	43	b5	Bc4
4	Nb4	Nf6	24	Qd7	Nf5	44	Rc2	Qb2
5	Nc3	Nc6	25	Rc8	Rc8	45	Kf3	Qd5
6	Nd5	Bb4	26	Rc2	Qc2	46	Rc2	Qd6
7	Qc3	Bc3	27	g4	Qd3	47	h4	Qd2
8	Nc3	d5	28	Rc1	Nh6	48	Kf3	Qd9
9	Bd3	Qd1	29	Qd7	Rc2	49	Qd5	Qd5
10	Bd3	Qd1	30	Qd7	Rc2	50	Qd5	Qd5
11	Qd3	Bc4	31	Qd7	Rc2	51	Qd5	Qd5
12	F3	Bb5	32	Qd7	Rc2	52	Qd5	Qd5
13	Qd5	Qb6	33	Qd7	Rc2	53	Qd5	Qd5
14	Kf1	Nc4	34	Qd7	Rc2	54	Qd5	Qd5
15	Nc4	d4	35	Qd7	Rc2	55	Qd5	Qd5
16	Bc4	Bb6	36	Qd7	Rc2	56	Qd5	Qd5
17	Bb6	b3	37	Qd7	Rc2	57	Qd5	Qd5
18	L3	Rf8	38	Qd7	Rc2	58	Qd5	Qd5
19	Bb4	Qc5	39	Qd7	Rc2	59	Qd5	Qd5
20	Qd7	Rd4	40	Rc1	Rc1	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (OBB-TIME)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:42

Group B12
Round 8
Date 23.06.2026
Board 3

WHITE <u>Anettov Anuphan</u>			FID			RESULT (W) <u>0</u>		
BLACK <u>Nguyen Tuan Phuong</u>			FID			RESULT (B) <u>1</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qf2	Rac8	41	1c1	Nc3+
2	Nf3	e6	22	Ra1	Qb2	42	Kf2	Nd5
3	d4	cd4	23	Qc5	Nd4	43	b5	Qd4+
4	Nd4	Nf6	24	Qd7	Nf5	44	lg2	Qb2+
5	Nc3	Nc6	25	Rc8+	Rc8	45	gch3	Qb5
6	Nd5	Bb4	26	Bf2	Qc2	46	Be1	Qa6
7	a3	Bc3+	27	g4	Qb8	47	lch4	Qa1
8	Nc3	d5	28	Kg1	Nh6	48	Kh3	Qf1+
9	ed5	ed5	29	Qb7	Rc2	49	lg4	Qe1
10	Bd3	0-0	30	ay	Ra2	50	ab	Qa5
11	0-0	Bg4	31	Qa8+	lch7	51	h4	Qa6
12	F3	Bh5	32	a5	Qb5	52	h5	g6+
13	Bg5	Qb6+	33	h4	Fc	53	lcs	Qg6
14	lch1	Nc4	34	Rd4	Fg4	54	lch4	Qg4#
15	Nc4	d4	35	Fg4	Qe2	55		
16	Be4	Bg6	36	Bf2	Qg4+	56		
17	Bg6	hg6	37	Bg3	Nf5	57		
18	b3	Rf8	38	Qd5	Ra3	58		
19	Bh4	Qc5	39	Rf2	Ra1+	59		
20	Qd7	Qd4	40	RE1	RE1+	60		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER)		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



12:34

22/07/2026 4								
WHITE NGUYEN QUANG ANH			FED VIE					
BLACK Nadezha, Vasin			FED IRI					
RESULT 0-1			RESULT 0-0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Oxd7	Qc6	41		
2	C4	g6	22	Qd6	nb	42		
3	Ng3	Bg7	23	Ra-d4	Rf8	43		
4	C4	O-O	24	Rxf8	Rxf8	44		
5	f4	g6	25	Qd6	Rxf8	45		
6	Nf3	C5	26	Rb7	Bf3	46		
7	d5	C6	27	Rxf3	gxf3	47		
8	Bc2	Cxd5	28	Rc8	nd5	48		
9	Cxd5	b5	29	Kh7	Nf6	49		
10	h6	C5	30	Kh7	ne4	50		
11	fxe5	Ng4	31	Kg8	f4	51		
12	Bg5	Qa5	32	Rfd8	f5	52		
13	O-O	h6	33	gxf5	Kg7	53		
14	Re7	Re8	34	Kx8	Nxf5	54		
15	fxh6	Ne3	35	Rg8	Rf7	55		
16	Qd3	Nxf1	36	h4	Nxh6	56		
17	Rxf1	C4	37	Rf8	Nxf7	57		
18	Qd5	Qb6	38	Kg8	C6	58		
19	Kh1	Bb7	39	Rxf7	Rxf7	59		
20	f7	nd7	40	C7	ne4	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
[Signature]			[Signature]			Jing X		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



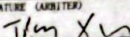
12:34

WHITE				BLACK				4			
Nguyen Quang Anh				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK				Nadezha, Vasin				FED IRI			
								RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Nf6	21	Qxd7	Qc6	41	Nf6				
2	c4	g6	22	Qd6	Q6	42					
3	Nc3	Bg7	23	gdx	BP8	43					
4	e4	O-O	24	Bxf8	gxf8	44					
5	f4	d6	25	Qxc6	Bxc6	45					
6	Nf3	c5	26	Nd4	Bb7	46					
7	d5	e6	27	BP3	Bxf3	47					
8	Be2	ed	28	gf	7ad8	48					
9	cd	b5	29	Nd5	Kh7	49					
10	e5	de	30	Nf6	Kh8	50					
11	fe	Ng4	31	Ne4	Kg8	51					
12	Bg5	Qa5	32	f4	7fbd8	52					
13	O-O	h6	33	f5	gf	53					
14	Be7	Re8	34	gxf1	Kh8	54					
15	d6	Ne3	35	Nxf5	g8	55					
16	Qd3	Nxf1	36	7f1	b4	56					
17	7xf1	c4	37	Nxh6	7f8	57					
18	Qd5	Qb6+	38	Nxf7+	Kg8	58					
19	Kh1	Bb7	39	e6	7xf7	59					
20	d7	Nxd7	40	7xf7	c3	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
cmh			[Signature]			[Signature]					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

13:01

12th Asian Youth Chess Championships 2020										Group B12			
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										Round 8			
   										Date 23/7		Board 5	
WHITE Xusany Isambek					FED UZB					RESULT (W) 1/2			
BLACK Nguyen Luong Vu					FED VIE					RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK					
1	e4 g0	c5 d0	21	f1f1	Nc7	41	Kc2	Rc2d					
2	Nf3 g0	d6 d0	22	Rb4b	Rb4d	42	Nc3	Kc3					
3	e4 g1	cxd4 g1	23	g5	gxd5	43	Nd4	Lg5		25			
4	Nxc4 g1	Nf6 g1	24	a2 b2	Nc6 2	44	Nc3	Kc3					
5	Nc3 d2	Nc6 d1	25	g3 g3	Nc4d6	45	Kb1	g5		26			
6	Rg5 d2	e6 g1	26	Bre4d6	cxd4d3	46	Kc4	Kc4d1					
7	Ba2 d2	a6 d2	27	Bc4d3	d4c6	47	Kc1	Rc2		28			
8	O-O-O g1	Ba3 g2	28	Bc4c2	g4c6	48	Rc6	Rc6g					
9	Nc6d3	Bxc6 d0	29	Rc6	Lg5	49	Rc4	Rc4d1					
10	f3 g1	b5 g1	30	g3d3	a2	50	Rc6	g1					
11	Nc2 g1	Bc2d1	31	Nb4c6	g4d5	51	Kc3	Bc1					
12	Nd4d1	Bb7 g0	32	Nc5	Lg5	52	Kc2	Rc5					
13	Nf1	h2	33	Bc1	Kc2d1	53	Kc1	g2					
14	Bc3d1	g2d3	34	Nc2	Rc4d3	54	Rc4	Rc4c6					
15	g4d1	Nc2d3	35	Kc3	Kc5d3	55	Rc5	Kc5					
16	Bc2d6	Nc5d3	36	Kc2	Kc5d3	56	d1	g3					
17	g5d3	h2g3	37	Rc3d3	Rc3d1	57	d4	Rc4					
18	g5g5	O-O-O d3d0	38	Rc4	c2d3	58	Nc6	Kc3d1					
19	d3d5	g6 d2	39	Kc5	Bc2d3	59	g5	Kc5					
20	Kc2d1	c5d1	40	Rc1	Rc1d1	60	Nb7	Rc1d1					
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)			
													

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.27

Group 1/12
Round 8
Board 6

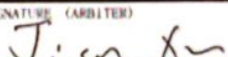
WHITE Song, Yihang				FED CHN		RESULT (W) 0.5		
BLACK Zuo, Jinyuan				FED CHN		RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	b3	g5	41		
2	Nf3	e6	22	Bg2	Rd7	42		
3	g3	d5	23			43		
4	Bg2	d4	24			44		
5	0-0	Nc6	25			45		
6	d3	Bc5	26			46		
7	e3	0-0	27			47		
8	ed	Nd4	28			48		
9	Nc3	Nf3	29			49		
10	Qf3	c6	30			50		
11	Re3	Bd4	31			51		
12	Bd4	Qd4	32			52		
13	Qe3	e5	33			53		
14	Rfe1	Qe3	34			54		
15	Re3	Ng4	35			55		
16	Rfe1	f6	36			56		
17	Rad1	Rdf	37			57		
18	Ne2	Be6	38			58		
19	Bh3	Kf7	39			59		
20	a4	h5	40			60		
SIGNATURE (WHITE) Song, Yihang				SIGNATURE (BLACK) 		SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xu		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.27

Group 1/12
Round 8
Board 6

WHITE				Song, Yihang				FED CHN		RESULT (W) 1/2	
BLACK				Zuo				FED CHN		RESULT (B) 1/2	
#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK
1	c4 90		Nf6 83	21	b3 8		g5 8	41			
2	Nf3 91		e6 84	22	Bg2 7		Rd7 6	42			
3	g3 91		d5 84	23				43			
4	Bg2 91		d4 84	24				44			
5	0-0 91		Nc6 84	25				45			
6	d3 91		Bc5 84	26				46			
7	e3 87		0-0 83	27				47			
8	Qd1 86		Nd4 83	28				48			
9	Nc3 78		Nf3 60	29				49			
10	Qf3 74		C6 56	30				50			
11	Re3 42		Bd4 42	31				51			
12	Bd4 35		Qd4 43	32				52			
13	Qe3 35		e5 35	33				53			
14	Rfe1 28		Qe3 28	34				54			
15	Re3 23		Ng4 25	35				55			
16	Rfe1 21		f6 20	36				56			
17	Rad1 16		fd8 17	37				57			
18	Ne2 12		Be6 10	38				58			
19	Bh3 10		fd7 10	39				59			
20	d4 10		h5 10	40				60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
											



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.25 Board 7

1209

Group B12 Round 8

WHITE Lin Qingyun				FED 1904				RESULT (W) 1			
BLACK Lv Ruiqi				FED 1971				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bc5	Kc5	41	Qd4 Kc5				
2	c4	e6	22	Bh8	Nf6	42	Kc3	Kd4			
3	Nc3	c6	23	Bf6	Kc5	43	Kc4	Kc4			
4	Q4	de	24	Rc1	Nc7	44	h4	Kc4			
5	Nc4	Bb4	25	Bc4	Rc8	45	h5	Kc4			
6	Bc2	Qc14	26	Bc6	Nc6	46	h6	Kc2			
7	Bb4	Qc4	27	Rd7	Rc7	47	h7	Qc5			
8	Bc2	Nc5	28	Rd7	Kc7	48	h8	Qc4			
9	Bc6	Qc2	29	Kc12	Kc6	49	Qc3	Qc3			
10	Rc12	Qc2	30	Kc3	h5	50	Kc3	C5			
11	O-O-O	f6	31	Kc3	Kc7	51	Kc2	Kc1			
12	Nh3	e5	32	Kc4	Kc6	52	Kc5	Kc2			
13	Rb6	Qc5	33	b4	Qc4	53	Qb4	Kc2			
14	Nf4	Kc7	34	Rd7	Kc6	54	Kc2	Kc2			
15	Nh5	Qc6	35	Rb7	h3	55	Kc12	a2			
16	L4	gh	36	Kc3	Kc13	56	Qc3	Kc1			
17	Lc	Qc5	37	Rc7	Kc5	57	Rc1				
18	e6	Bc6	38	Re7	Kc5	58					
19	Qc5	f9	39	Rc6	Ke6	59					
20	Bh5	Kc6	40	Kf4	Kd6	60					
SIGNATURE (WHITE) Lin Qingyun				SIGNATURE (BLACK) Lv Ruiqi				SIGNATURE (ARBITER) /			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/25 Board 7

1209

Group B12 Round 8

WHITE Lin, qingyun				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Lv Ruiqi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bc5	Ke7	41	Kc4	Ke5			
2	c4	e6	22	Bh8	Nf6	42	Kc3	Kd4			
3	Nc3	c6	23	Bxh6	Kc6	43	Kc4	Kc4			
4	Q4	de	24	Rb6	Nc7	44	h4	Kc4			
5	Nc4	Bb4	25	Bc4	Re8	45	h5	Kc3			
6	Bc2	Qc14	26	Bc6	Nc6	46	h6	Kc2			
7	Bb4	Qc4	27	Rd7	Re7	47	h7	Qc5			
8	Bc2	Nc5	28	Kc1	Kc7	48	h8	Qc4			
9	Bc6	Qc2	29	Kd2	Kc6	49	Qc3	Qc3			
10	Rc12	Qc2	30	Ke3	h5	50	Kc3	C5			
11	O-O-O	f6	31	Rd1	Ke7	51	Qc2	Kc1			
12	Nh3	e5	32	Ke4	Kc6	52	Qc2	Kc2			
13	Rh6	Qc5	33	b4	Qc4	53	Qb4	Kc2			
14	Nf4	Kc7	34	Rd7	h4	54	Ke2	Kc1			
15	Nh5	Qc6	35	Rb7	h3	55	Kd2	a2			
16	L4	gh	36	Ke3	Kc5	56	Qc3	Kc1			
17	Lc	Qc5	37	Rc7	Kc5	57	Qc4				
18	e6	Bc6	38	Re7	Kc5	58					
19	Qc5	f9	39	Rc6	Kc6	59					
20	Bh5	Kc6	40	Kf4	Kd6	60					
SIGNATURE (WHITE) Lin Qingyun				SIGNATURE (BLACK) Lv Ruiqi				SIGNATURE (ARBITER) /			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23 Jul

Group B12

Round 3

Board 8

WHITE: Hoang Minh Hieu				FED: VIE				RESULT (W) 1			
BLACK: Nguyen Nhat Khuong				FED: VIE				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd1	a5	41	Rd1	Kh7			
2	c4	d6	22	b5	a4	42	Rad3	Qf7			
3	Nc3	e5	23	Kh1	c5	43	a4	Qa7			
4	d5	e4	24	Nc2	Nd7	44	Rd8	Rd8			
5	b3	Bf5	25	f5	Bh7	45	Rd8	Qa5			
6	c3	Nbd7	26	Nd5	Qb7	46	Rd1	Be7			
7	Nge2	Be7	27	Rde2	Ne5	47	Qb1	Bd5			
8	Nd4	Bg6	28	Nca3	a3	48	Rd8	Qd9			
9	Be2	O-O	29	Bc5	dc	49	b6	Qd7			
10	O-O	Re6	30	Xd1	Kh6	50	b7	Qa4			
11	Bb2	Ng6	31	Rd3	f6	51	b8-Q	Qc4			
12	Qd2	Qf8	32	Nc3	Bg6	52	Qe8				
13	Rae1	Nc5	33	Ncd5	Rd6 Rd8	53					
14	b4	Ndb3	34	Rb1	Ra4	54					
15	Bd3	ed	35	Qc2	Rda8	55					
16	f4	Nd7	36	Rbb3	Bd5	56					
17	e4	c5	37	Nd5	Qf7	57					
18	dc	bc	38	Nb6	Qh5	58					
19	Qd3	Nc5	39	Nd8	Pa8	59					
20	Qe2	Qb6	40	Ba3	Rb8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/7

Group B12

Round 8

Board 8

WHITE: Hoang Minh Hieu				FED: VIE				RESULT (W) 1			
BLACK: Nguyen Nhat Khuong				FED: VIE				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4 1:30	Nf6 1:30	21	Rd1 40	a5 22	41	Rd1	Kh7			
2	c4 1:31	d6 1:31	22	b5 29	a4 16	42	Rad3	Qf7			
3	Nc3 1:31	e5 1:31	23	Kh1 26	c5 16	43	a4	Qa7			
4	d5 1:31	e4 1:31	24	Nc2 24	Nd7 11	44	Rd8	Rd8			
5	b3 1:29	Bf5 1:30	25	f5 17	Bh7 11	45	Rd8	Qa5			
6	c3 1:29	Nbd7 1:30	26	Nd5 16	Qb7 11	46	Rd1	Be7			
7	Nge2 1:27	Be7 1:22	27	Rde1 12	Ne5 11	47	Qb1	Bd5			
8	Nd4 1:19	Bg6 1:17	28	Nce3 12	a3 8	48	Rd8	Qd9			
9	Be2 1:18	O-O 1:18	29	Be5 12	dc 8	49	b6	Qd7			
10	O-O 1:18	Re6 1:10	30	Rd1	Kh8	50	b7	Qa4			
11	Bb2 1:17	Ng6 1:08	31	Rd3	f6	51	b8=NQ	Qc4			
12	Qd2 1:17	Bf8 1:08	32	Nc3	Bg6	52	Qe8				
13	Rae1 1:16	Nc5 1:02	33	Ncd5	Rd6 Rd8	53					
14	b4 1:01	Ndb3 55	34	Rb1 11	Ra4 0	54					
15	Bd3 59	ed 56	35	Qc2	Rda8	55					
16	f4 59	Nd7 49	36	R1b3	Bd5	56					
17	e4 53	c5 43	37	Nd5	Qf7	57					
18	dc 45	bc 43	38	Nb6	Qh5	58					
19	Qd3 44	Nc5 40	39	Nd8	Pa8	59					
20	Qe2	Qb6 36	40	Ba3	Rb8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2 Jul

Board

9

WHITE				BLACK				
Nguyen Minh				Solyannikov, Ivan				
FED VIE				FED RUS				
RESULT (W)				RESULT (B)				
1				0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kf3	d5	21	Lb5	Qf5	41	b5	h42
2	g3	h6	22	h4	Qb6	42	g6	Qb
3	Qf2	c5	23	Qe2	ab	43	ab	h3
4	O-O	e6	24	h4	c5	44	h4	h2
5	d3	h6	25	g4	Qb6	45	h4	h4
6	Lb2	c5	26	h4	c5	46	h4	h4
7	Qe2	c5	27	Qb2	c5	47	Qb	bc
8	Qe4	c5	28	Qc3	h4	48	h4	h4
9	Qe2	c5	29	Qd4	c5	49	h4	h4
10	b3	Qc3	30	Qe2	h4	50	h4	h4
11	c5	O-O	31	h3	f5	51	h3	h4
12	h3	h4	32	Qf	Qh2	52	h3	h4
13	h3	h4	33	h4	c5	53	h3	h4
14	Qe4	de	34	h4	Qh2	54	h3	h4
15	de	h4	35	h4	h4	55	h3	h4
16	Qe3	h5	36	h4	h4	56	h3	h4
17	h4	h4	37	h4	h4	57	h3	h4
18	h4	h4	38	h4	h4	58	h3	h4
19	h4	h4	39	h4	h4	59	h3	h4
20	h4	h4	40	h4	h4	60	h3	h4
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Minh				Solyannikov, Ivan				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23 Jul

Board

9

WHITE				FED VIE				RESULT (W)			
BLACK				FED RUS				RESULT (B)			
Solyannikov, I. von								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Nes	Qe5	41	c4	b5			
2	g3	Nf6	22	Rad1	Bg6	42	g2	g6			
3	Bg2	Qf5	23	Be1	a6	43	ab	ab			
4	O-O	ec	24	Kh1	Bh5	44	Rd3	Rd5			
5	d3	h6	25	g4	Bd6	45	Rd2	Kh7			
6	Nbd2	Bc7	26	kg1	Bg6	46	Nd4	Re5			
7	Qe1	Bh7	27	Bd2	Bf7	47	Rf2	bc			
8	e4	c5	28	Be3	Rf8	48	bc	Rb8			
9	Qe2	Nc6	29	Bd4	cd	49	Nc6	Rg5			
10	b3	Qc7	30	Qe2	Rc8	50	Rg3	Rg5			
11	Bb2	O-O	31	R3d2	f5	51	Qc3	Rb3			
12	h3	Rd8	32	ef	Qh2	52	Rb3	Kh6			
13	Rd1	Rac8	33	Kh1	ef	53	Ke5	h4			
14	Nc1	de	34	Bd5	Kh8	54	Nd4	Re3			
15	de	Nd4	35	Qh2	Bh2	55	Kd6	Bg4			
16	Qe3	h5	36	Rh2	fg	56	Rh2	Rh8			
17	a4	h4	37	Rf2	Bh5	57	Rh3	Bh8			
18	Nc4	hg	38	hg	Bg4	58	Be6	Bg2			
19	fg	Rd7	39	Nf3	Rf5	59	Bg4	Be4			
20	Rd3	Nes	40	Rd4	Rh5	60	c5	Bd5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Minh											



11:50



Date	21 May
Board	10

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (A)		RESULT (B)	
Chop-in		Karlitzov		Risher		Kaz				1/1	
BLACK		charlorty		Reyoans		FED		AUS		1/1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	en	c6	21	zls	rdv.	41	kgi	pd.			
2	du	ds.	22	zcy	bc.	42	kgi	pc.			
3	ed	cd.	23	cd	cd.	43	kgi.	rlb			
4	cd3	zcl	24	zlb	ab4	44	ab.	qxc			
5	c3	rlb	25	ab.	mc.	45	ab.	ke8			
6	cf4	cg4	26	ab.	lcl	46	pes.	sb.			
7	pb3	zlb	27	lcl	g6	47	pes	rb.			
8	rlb	c6	28	g3.	rcv.	48	lcl	rls.			
9	rgl3	cd6	29	zcy	kg7.	49	zxc.	pc7.			
10	cd6	zcl	30	lb.	rlb	50	fy.	kg3.			
11	o-o	o-o	31	kgi.	ls.	51	pc7	pd7.			
12	lcl	zcy.	32	lc	qbb6	52	lcl	rlb3			
13	zcy	clb.	33	lcl	zcl.	53	ab.	rc.			
14	clb.	rls.	34	lcl.	qbb2.	54	kgi	rl4.			
15	zcl	lclb3	35	zcl	rlb	55	qbb3	rlb3			
16	q3	bs.	36	lcl.	zcl3	56	lcl	rlb3			
17	pc2	os.	37	lcl.	rlb3.	57	lcl	rlb3			
18	lc.	rlb3	38	lcl	qbb	58	lcl.	rlb3			
19	zcl3	ab.	39	ab6	qcl	59	lcl.	rlb3			
20	ab	lcl.	40	pes3	pc2.	60	lc	rlb3			

11:50

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date	Board f_u
------	-------------

WHITE		BLACK		FTD KAT		RESULT (H)	
BLACK		WHITE		FTD AVT		RESULT (B)	
1	21	41	61	22	42	62	82
2	22	42	62	23	43	63	83
3	23	43	63	24	44	64	84
4	24	44	64	25	45	65	85
5	25	45	65	26	46	66	86
6	26	46	66	27	47	67	87
7	27	47	67	28	48	68	88
8	28	48	68	29	49	69	89
9	29	49	69	30	50	70	90
10	30	50	70	31	51	71	91
11	31	51	71	32	52	72	92
12	32	52	72	33	53	73	93
13	33	53	73	34	54	74	94
14	34	54	74	35	55	75	95
15	35	55	75	36	56	76	96
16	36	56	76	37	57	77	97
17	37	57	77	38	58	78	98
18	38	58	78	39	59	79	99
19	39	59	79	40	60	80	100

Group 9.12

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date	23.07.26	Board	10.
------	----------	-------	-----

WHITE		BLACK		FED		RESULT (A)	
BLACK		WHITE		FED		RESULT (B)	
Horkhuzo v Alisher				Koz		1/2	
Chokborly Reynanst				AUS		1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
#							BLACK
1	kp23	qes	21			41	
2	kt7	kp18	22			42	
3	adt		23			43	
4			24			44	
5			25			45	
6			26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

Group

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date	Board
------	-------

WHITE			BLACK			FED			RESULT (W)		
BLACK			WHITE			FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	69	h	21			41					
2	h	L	22			42					
3	h		23			43					
4			24			44					
5			25			45					
6			26			46					
7			27			47					
8			28			48					
9			29			49					
10			30			50					
11			31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)



3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23 Jul

Group
U12
Round
8

Board
11

WHITE Li, Chengyue				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Hoang Tan Vinh				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3 1.30	Nf6 1.30	21	fe4 0.57	Rf1+0.43	41	Rd2 0.09	Rb8 0.13			
2	c4 1.31	g6 1.29	22	Bf1 0.57	Rf8 0.40	42	Bc3 0.09	Bd4 0.13			
3	Nc3 1.31	Bg7 1.29	23	Rb1 0.50	Qe3 0.39	43	Bd3 0.09	Rf8 0.13			
4	e4 1.29	d6 1.29	24	Qd2 0.47	Qf4 0.33	44	Kf1 0.08	h4 0.13			
5	d4 1.29	o-o 1.28	25	Qf4 0.40	ef4 0.26	45	Rc2 0.07	f3 0.13			
6	Be2 1.30	e5 1.27	26	Nb5 0.39	Be5 0.19	46	Rc7 0.06	fg2+0.03			
7	o-o 1.30	Nc6 1.27	27	c5 0.36	Bb5 0.17	47	Kg2 0.06	Rf2+0.03			
8	d5 1.30	Ne7 1.27	28	Bb5 0.36	Nc5 0.17	48	Kh1 0.06	Rd2 0.03			
9	b4 1.30	Nd7 1.26	29	Nc5 0.36	dc5 0.17	49	Re7+0.06	Kf6 0.01			
10	a4 1.27	a5 1.24	30	Bc5 0.36	Kf7 0.17	50	Re6+0.06	Kg5 5.93			
11	ba5 1.25	Ra5 1.23	31	Kg1 0.35	Ra8 0.16	51	Bf1 0.06	Rd1 0.01			
12	Nd2 1.25	f5 1.19	32	Bc4 0.32	Kf6 0.15	52					
13	Nb3 1.24	Ra8 1.19	33	Bb3 0.23	g5 0.15	53					
14	f3 1.24	b6 1.14	34	Rd1 0.20	Nc8 0.13	54					
15	Ba3 1.18	Nc5 1.09	35	Kf2 0.17	Nd6 0.13	55					
16	Bb4 1.16	Bd7 0.59	36	Bd6 0.17	cd6 0.14	56					
17	a5 1.09	Na6 0.50	37	Kf3 0.16	h5 0.14	57					
18	Ba3 1.08	Qb8 0.49	38	Rd3 0.12	g4+0.14	58					
19	ab6 1.03	Qb6+0.49	39	Kf2 0.13	Ba1 0.13	59					
20	Kh1 1.01	fe4 0.44	40	Ke2 0.10	Ke5 0.13	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Vinh				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.23

Group
B12
Round
8

Board
11

WHITE Li, Chengyue				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK CM Hoang Tan Vinh				FED VIE				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3 90	Nf6 90	21	fe57	RfA+43	41	Rd2 9	Rb8 13			
2	c4 91	g6 89	22	Bxf1 57	Rf8 40	42	Ba2 9	Bd4 13			
3	Nc3 91	Bg7 89	23	Rb1 50	Qe3 39	43	Bd3 9	Rf8 13			
4	e4 89	d6 89	24	Qd2 47	Qf4 33	44	Kf1 8	h4 13			
5	d4 89	o-o 88	25	Qxf4 40	ef 26	45	Re2 7	f3 13			
6	Be2 90	e5 87	26	Qf Nbs 39	Be5 17	46	Re7 6	f3+12			
7	o-o 90	Nc6 87	27	c5 26	Bxb5 17	47	Kxg2 6	Rf2+12			
8	d5 90	Ne7 87	28	Bb5 36	Nxe5 17	48	Kh1 6	Rd2 12			
9	b4 90	Nd7 86	29	Nxe5 36	dc 17	49	Re7+6	Kf6 12			
10	a4 87	a5 84	30	Bxe5 36	Kf7 17	50	Reb7 6	Kf5 12			
11	ba 85	Ra5 83	31	Kf1 35	Ra8 16	51	Bf1 6	Rd1 12			
12	Nd2 85	f5 79	32	Bc4 32	Kf6 15	52					
13	Nb3 84	Ra8 79	33	Bb3 23	g5 15	53					
14	f3 84	b6 74	34	Rd1 20	Nc8 13	54					
15	Ba3 78	Nc5 69	35	Kf2 17	Nd6 13	55					
16	Bb4 76	Bd7 59	36	Bxb6 16	cd 14	56					
17	a5 69	Na6 50	37	Kf3 16	h5 14	57					
18	Ba3 68	Qb8 49	38	Rd3 12	g4+14	58					
19	ab 63	Qxb6+49	39	Kf2 13	Ba1 13	59					
20	Kh1 60	fe 44	40	ke2 10	ke5 13	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Vinh				[Signature]			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1233

Group B12

Round 8

Date 23/12/2026

Board 12

White Bin Quang Huy

Black Nguyen Thanh An Khang

White VTE

Black VTE

White 0

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1233

Group B12

Round 8

Date 23/12/2026

Board 12

White Bin Quang Huy

Black Nguyen Thanh An Khang

White VTE

Black VTE

White 0

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1233

Group B12

Round 8

Date 23/12/2026

Board 12

White Bin Quang Huy

Black Nguyen Thanh An Khang

White VTE

Black VTE

White 0

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1233

Group B12

Round 8

Date 23/12/2026

Board 12

White Bin Quang Huy

Black Nguyen Thanh An Khang

White VTE

Black VTE

White 0

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

Black 1

White 1

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.11

Board

13

Group B12

Round 8

Result (W) 1

Result (B) 0

WHITE				BLACK				FED		RESULT (W)		1		
BLACK				H. Xiang				FED		RESULT (B)		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	124	126	41	g6	124						
2	d4	d5	22	122	128	42	127	127						
3	e5	h3	23	122	125	43	g5	128						
4	Be2	e6	24	g4	124	44	a8							
5	nf3	ne7	25	124	125	45								
6	0-0	Bg6	26	125	125	46								
7	124	125	27	125	125	47								
8	125	125	28	124	128	48								
9	c3	127	29	142	124	49								
10	f4	128	30	123	124	50								
11	Be3	125	31	124	124	51								
12	125	127	32	126	126	52								
13	124	125	33	124	127	53								
14	g3	127	34	126	124	54								
15	h3	128	35	127	128	55								
16	124	124	36	127	128	56								
17	123	123	37	124	124	57								
18	123	128	38	124	127	58								
19	123	124	39	124	124	59								
20	125	124	40	127	123	60								
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						
B. Moxham				H. Xiang										

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.11.11

Board

13

Group B12

Round 8

Result (W) 1

Result (B) 0

WHITE			BLACK			FED		FED		RESULT (W)	
B. Moxham c.g.			H. Xiang (44)			CHN		CHN		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	RESULT (B)		
1	e4	c6	21	Rxf	Rb8	41	Ab	g3			
2	d4	d5	22	Nd2	Rb9	42	Rf7	117			
3	e5	Bf5	23	h2	Bf5	43	Qb7	128			
4	Bc2	e6	24	g4	h9	44	Qb8	128			
5	nf3	ne7	25	h9	f9	45					
6	0-0	0-0	26	Bf5	Bg5	46					
7	nh4	nt5	27	Pg5	R+4	47					
8	nt5	Bf5	28	Qd8	K+5	48					
9	c3	Bc7	29	Rh1	Nd3	49					
10	f4	Bb6	30	kg4	Rd2	50					
11	Be3	h5	31	Rg5	g Bg6	51					
12	nd2	nd7	32	b g	128	52					
13	a4	nt5	33	Qd4	Qc7	53					
14	g3	Q+7	34	Rb6	Bc4	54					
15	h3	0-0	35	Qb2	128	55					
16	g4	Ab4	36	Qa2	128	56					
17	Ab3	b13	37	Qa6	Rd7	57					
18	Qc3	Nb8	38	Qa5	128	58					
19	Ab3	Kd7	39	Rb7	Rd7	59					
20	nt5	na6	40	Kd2	Rb7	60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
B. Moxham			H. Xiang			/h					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/7/2026

Group B12
Round 8
Board 15

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Tran Pham Quang Minh		Ismailov Abu-Bakr		VIE		KGZ		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bxc5	Rf6	41	Kxb4	Kc7			
2	Nf3	Nf6	22	b4	Bb6	42	Kc3	Ng4			
3	g3	Bf5	23	Bxb6	ab	43	Kd4	Uef2			
4	Bg2	e6	24	Brg2	ka7	44	Ke3	Nd1+			
5	O-O	Bd6	25	Bg2	h5	45	Kf4	Nc3			
6	c4	c6	26	a4	Rd4	46	Bf3	Nb5			
7	Nc3	O-O	27	Nb1	Nc4	47	Kg5	h4			
8	h3	Nbd7	28	h4	f5	48	Bg2	Nc2			
9	Nd2	e5	29	b5	Ne5	49	Kxg6	Ng3			
10	de	Nre5	30	a5	Rxa5	50	h5	Rb8			
11	cd	Nxd5	31	ba	Rxa5	51	Rf4	Ne2+			
12	Nxd5	cd	32	Rxb6	Rxb6	52	Kxf5	Kc7			
13	e4	de	33	Rxb4	ab	53	Kg5	Ng5			
14	Nxe4	Bb4	34	h4	Nd7	54	Bf3	Kb8			
15	a3	Ba5	35	Bd5	g6	55	Kf4	Nf1			
16	Bg5	f6	36	Kf1	Kg7	56	Bxh5	Kxb7			
17	Be3	Kh8	37	Ke2	Rb6	57	Bf3+	Kc7			
18	Nd6	Bc2	38	Kd3	Ke7	58	h5	Nd2			
19	Qxc2	Grd6	39	Kc4	Kd6	59	h6	Nc4			
20	Qc5	Qxc5	40	Bg2	Nc5+	60	h7	Nc5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
minh				Abu				/			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/07/2026

Group B12
Round 8
Board 15

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Tran Pham Quang Minh		Ismailov Abu-Bakr		VIE		KGZ		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	C:c5	Lxf6	41	Kp14	Kc7			
2	Kf3	Kf6	22	b4	Cb6	42	Kpc3	Kg4			
3	g3	Cf5	23	C:b6	a:b	43	Kpd9	Kf2			
4	cg2	ec	24	C:b7	Ld4	44	Kpe3	Kd1+			
5	O-O	Cd6	25	cg2	h5	45	Kpf4	Kc3			
6	Cb4	C6	26	d4	Ld4	46	Cf3	Kb5			
7	Kc3	O-O	27	Lf61	Kc4	47	Kpg5	Kd4			
8	h3	Kbd7	28	h4	f5	48	Cg2	Kc2			
9	Kd2	e5	29	b5	Kc5	49	Kpg5	Kc3			
10	d:e	Kie5	30	d5	Lias	50	Kpg5	Kp68			
11	cid	K:d5	31	L:d5	b:d	51	Kpc4	Rc2			
12	K:d5	cid	32	b6	L:b4	52	Kpf5	Kp04			
13	e4	d:e	33	d:b	L:b	53	Kpg5	Kg6			
14	Kie4	cb4	34	b4	K:f4	54	Cf3	Kp68			
15	a3	cd5	35	cd5	g6	55	Kpf4	Kf1			
16	cg5	f6	36	Kpf4	Kpg4	56	e:h5	Kp64			
17	ce3	Kph8	37	Kpd3	Kpf6	57	Cf37	Kp14			
18	Kd6	cc2	38	Kpd3	Kpe4	58	h5	Kd2			
19	Q:c2	Q:d6	39	Kpc4	Kpd6	59	h6	Kc9			
20	Qc5	Q:c5	40	cg2	res	60	h4	res			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
minh				Abu				/			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23/07/2026

Group

B12

Round

8

Board

16

Result

0-0

Result (B)

1

WHITE				BLACK				
Dkhunov Umar				FED TJK				
BLACK Barhyt Rana				FED KAZ				
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	h3 ^{h4}	h5	41	d3	h4
2	d5	h5 ^{h4}	22	h3	h5	42	g6	h4
3	h3	c4	23	cd	cd	43	g6	h4
4	ed	cd	24	cd	h5	44	h4	
5	h3	c4	25	h5	h3	45		
6	g6	e6	26	g6	h5	46		
7	h5	h6	27	c5	h2	47		
8	h4	h6	28	h5	g6	48		
9	h4	g6	29	h5	g6	49		
10	h3	h4	30	h4	h4	50		
11	c6	h6	31	h2	g4	51		
12	cd	cd	32	g6	h7	52		
13	cd	h6	33	h4	g6	53		
14	0-0	0-0	34	h4	g6	54		
15	h3	h6	35	h2	g6	55		
16	h4	h4	36	h5	h4	56		
17	h2	h5	37	h4	h4	57		
18	h4	h6	38	h4	h5	58		
19	cd	h5	39	h4	h4	59		
20	de	h5	40	h4	h2	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
[Signature]				[Signature]				
SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)				
[Signature]				[Signature]				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23/07/2026

Group

B12

Round

8

Board

16

Result

0-0

Result (B)

1

WHITE				BLACK							
Dkhunov Umar				FED TJK							
Barhyt Rauan				FED KAZ							
RESULT (W)				RESULT (B)							
0				1							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c6	21	c4	Re5	41	Kb6	h3			
2	Nf3	d5	22	Re5	Qa9	42	Ku6	h4			
3	Nc3	Bg4	23	cd	cd	43	Rc	g6?			
4	ed	cd	24	Nf5	Re5	44	Rp1	ae			
5	h3	Bf5	25	Nf3	g f	45	Bc5				
6	Qf5	e6	26	Re5	Bc5	46					
7	Bb5	Nc6	27	Qa2		47					
8	Nc2	Nf5	28	Ru5	g6?	48					
9	d4	Qa5	29	Ru5	Qf5	49					
10	Nc4	Bb4	30	h4	Qd3	50					
11	Bc6	b5	31	Kp2	Qa4	51					
12	Bu2	Bc3	32	-Bg3	Qd3	52					
13	Qc5	Qb6	33	Ku2	Qf5	53					
14	Qd	Qd	34	Kp1	Qb7	54					
15	b4	Rac8	35	Kp2	Qb5	55					
16	Rf5	Nc4	36	Ru1	Q5	56					
17	Bb2	Rf5	37	Ku2	Qb4	57					
18	Ru1	h5	38	Rc	Q4	58					
19	K1	e4	39	Rc5	Ku2	59					
20	Q2	RQ5	40	Rb5	Qa5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
											



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

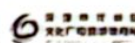


Date 23/7/26

Group B4
Round 8
Board 17

WHITE <i>zhong zhi rui</i>				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK <i>zhong zhi rui</i>				FED SRI				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	Re8	41					
2	Nf3	Nc6	22	1d4	1d8	42					
3	Bb5	Nf4	23	2d4	2d6	43					
4	O-O	Nex	24	Nd4	2d8	44					
5	Re1	Nb6	25	2d4	2d8	45					
6	Nd3	Re8	26	2d4	2d6	46					
7	Nd4	Nd8	27	1d4	1d8	47					
8	Re5	Re8	28	1d4	1d8	48					
9	1d4	1d8	29	1d4	1d8	49					
10	d5	Nf6	30	2d4	2d8	50					
11	Re1	Re8	31	2d4	2d8	51					
12	Bb5	1d8	32	1d4	1d8	52					
13	Bb5	1d8	33	1d4	1d8	53					
14	1d4	1d8	34	1d4	1d8	54					
15	1d4	1d8	35	1d4	1d8	55					
16	1d4	1d8	36	1d4	1d8	56					
17	1d4	1d8	37	1d4	1d8	57					
18	1d4	1d8	38	1d4	1d8	58					
19	1d4	1d8	39	1d4	1d8	59					
20	1d4	1d8	40	1d4	1d8	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>zhong zhi rui</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>zhong zhi rui</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>zhong zhi rui</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 12/3
Round 8
Board 17

WHITE <i>Feng kui xiu</i>				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK <i>zhong zhi rui</i>				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Re1	Re8	41					
2	Nf3	Nc6	22	Re1	Re8	42					
3	Bb5	Nf4	23	Re1	Re8	43					
4	O-O	Nex	24	Re1	Re8	44					
5	Re1	Nb6	25	Re1	Re8	45					
6	Nd3	Re8	26	Re1	Re8	46					
7	Nd4	Nd8	27	Re1	Re8	47					
8	Re5	O-O	28	Re1	Re8	48					
9	d4	Nex	29	Re1	Re8	49					
10	d5	Nf6	30	Re1	Re8	50					
11	Re1	1d8	31	Re1	Re8	51					
12	1d4	1d8	32	Re1	Re8	52					
13	1d4	1d8	33	Re1	Re8	53					
14	1d4	1d8	34	Re1	Re8	54					
15	1d4	1d8	35	Re1	Re8	55					
16	1d4	1d8	36	Re1	Re8	56					
17	1d4	1d8	37	Re1	Re8	57					
18	1d4	1d8	38	Re1	Re8	58					
19	1d4	1d8	39	Re1	Re8	59					
20	1d4	1d8	40	Re1	Re8	60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Feng kui xiu</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>zhong zhi rui</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>zhong zhi rui</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.07.26

Group B 72
Round 8
Board 18

WHITE Nguyen Quang Huy				FED ViE				RESULT (W) 7/2			
BLACK Tsepilov, Artem				FED Rus				RESULT (B) 7/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kb5	Qb5	41					
2	c3	Ke6	22	Qf3	Cf6	42					
3	e5	Kd5	23	Ke6	Ad5	43					
4	d4	Cd	24	NAC1	Kxf3	44					
5	Cd	d6	25	C-3	a4	45					
6	Kf3	KC6	26	Ke5	Qb7	46					
7	CC4	Kb6	27	KG24	Ce7	47					
8	Cb5	e6	28	Ke3	lb5	48					
9	O-O	Ce7	29	Pb7	Nb7	49					
10	KC3	O-O	30			50					
11	Qe2	a6	31			51					
12	CC6	bC	32			52					
13	ed	fd6	33			53					
14	ld1	a5	34			54					
15	ce3	ca6	35			55					
16	QC2	KC4	36			56					
17	QC1	Pb4	37			57					
18	b3	Ke3	38			58					
19	Pe3	Nfd8	39			59					
20	Ke5	Cb5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 24.07.26

Group B 72
Round 8
Board 19

WHITE Nguyen Quang Huy				FED ViE				RESULT (W) 0.5			
BLACK Tsepilov, Artem Den				FED Rus				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	C4	C5	21	Mb5	Hb5	41					
2	C3	MF6	22	HF3	TF6	42					
3	e5	Nd5	23	NLC6	Kd5	43					
4	d4	Cd	24	Pa14	VP8	44					
5	Cd	d6	25	q3	all	45					
6	MF3	NLC6	26	NL5	TF7	46					
7	TC4	Nb6	27	Nq4	fex	47					
8	fb5	C6	28	NL3	xb5	48					
9	O-O	Te7	29	Hb7	tb7	49					
10	NLC3	O-O	30			50					
11	He2	Q6	31			51					
12	TC6	KC	32			52					
13	ed	Hd6	33			53					
14	xd1	q5	34			54					
15	qe3	Ta6	35			55					
16	HC2	Nc4	36			56					
17	Hc1	TF6	37			57					
18	b3	Nc3	38			58					
19	He3	Kd5	39			59					
20	NL5	fb5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group: U20
Round: 8
Date: 23/7/2026
Board: 19

WHITE Eman Teo Yuen Khai				FED MAS				RESULT (0)			
BLACK Chen Xian'an				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	1244	Ra8	41	a6	12e3			
2	Nf3	a6	22	g1	Kg7	42	Rf3	12e4			
3	d4	cd	23	Bc4	Bc8	43	2a3	b9			
4	N44	Nf6	24	Bd3	Rb8	44	Rc6	12c4			
5	Bd3	Nc6	25	12c2	Rh4	45	Rc4	b6			
6	Nc6	dc	26	12f3	Rf8	46	Ra4	Be6			
7	O-O	e5	27	Rb4	Rd8	47	Ra6	5b5			
8	12c3	Bc5	28	Rd4	Rd6	48	12f3	Bd5			
9	h3	h6	29	Rb4	12d8	49	Ke2	13e6			
10	Be2	Be6	30	12g3	12d8	50	12c3	Bf7			
11	Be1	Be7	31	12b3	12d7	51	12b6	Be6			
12	a4	Bb4	32	12c3	12e7	52	Ra6	Kf7			
13	Q5	O-O	33	12c5	Kf8	53	12b6	Bd5			
14	N44	Nd7	34	12f2	Ke8	54	12d5	f4			
15	Nb6	Nb6	35	b4	f6	55	Kd2	13d2			
16	Bb6	Bg5	36	12d1	Re4	56	12e5	14f6			
17	Be2	Bd2	37	12g2	Ke7	57	Rc5	13h3			
18	B25	h9	38	12g3	12d3	58	12c6	12g7			
19	13g3	Be3	39	cd	12d3	59	12c7	12h6			
20	fe	Ob	40	b5	a6	60	Rc4	13g4			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group: U20
Round: 8
Date: 24/7/2026
Board: 19

WHITE Eman Teo Yuen Khai				FED MAS				RESULT (0)			
BLACK Chen Xian'an				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e9	c5	21	Ra4	Rd8	41	a6	12e3			
2	Nf3	a6	22	g4	kg7	42	Rf3	12e4			
3	d4	cd4	23	Bc4	Bc8	43	Ra3	b9			
4	N44	Nf6	24	Bd3	Rb8	44	Rc6	12c4			
5	Bd3	Nc6	25	kg2	Bh4	45	Rc4	b6			
6	Nc6	dc6	26	Rf3	Rf8	46	Ra4	Be6			
7	O-O	e5	27	Rb4	Rd8	47	Ra6	f5			
8	Nc3	Bc5	28	Ra4	Rd6	48	Kf3	12f4			
9	h3	h6	29	Bh4	Rh4	49	Ke2	Be6			
10	Q2	R6	30	kg3	Rd8	50	Ke3	Bf7			
11	Be3	Qe7	31	Rd3	Rd7	51	Rb6	Re6			
12	a4	Bb4	32	Rc3	Rd7	52	Ra6	Kf7			
13	a5	O-O	33	Rc5	Kf8	53	Rb6	Bd5			
14	N44	Nd7	34	Rf2	Ke8	54	Rb5	f4+			
15	Nb6	Nb6	35	b4	f6	55	Kd2	Bg2			
16	Bb6	Bg5	36	Rf1	Re7	56	Re5	h6			
17	Qc3	Rd2	37	kg2	Kf7	57	Rc5	Bh3			
18	Qg5	h9	38	kg3	Rd3	58	Rc4	kg7			
19	Be3	Bf3	39	cd3	Bd3	59	Rc7	Kd6			
20	fcd	q6	40	b5	a-b5	60	Rc4	Bg4			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group: B12
Round: 8
Date: 7/25
Board: 19

WHITE Teo Yuen Khai F9000				FED MAS				RESULT (0)			
BLACK Chen Xian'an				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke1	12h5	21	12g1	f3	41					
2	12f2	12h4	22	Kh1	f2	42					
3	Kg2	Bf5	23	12g2	f1/8	43					
4	12f3	12h3	24			44					
5	12c1	13g4	25			45					
6	Kf2	Bh5	26			46					
7	Rd1	Kh4	27			47					
8	2h1	Kg4	28			48					
9	2d1	12f5	29			49					
10	2a5	Kf6	30			50					
11	2d6	Kg7	31			51					
12	2d5	g4	32			52					
13	2d4	g3	33			53					
14	12g2	g5	34			54					
15	12h3	Be2	35			55					
16	Kg2	Kf6	36			56					
17	12d2	Bc4	37			57					
18	2a5	Kh5	38			58					
19	12c5	Be2	39			59					
20	12c2	Kg4	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group: B12
Round: 8
Date: 24/7/2026
Board: 19

WHITE Eman Teo Yuen Khai				FED MAS				RESULT (0)			
BLACK Chen Xian'an				FED CHN				RESULT (1)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Ke1	Kd6	21	kg1	f3	41					
2	Kf2	Kd4	22	Kh1	f2	42					
3	kg2	Bh3	23	kg2	f1=87	43					
4	Kf3	Kh3	24			44					
5	Rd1	Bg4	25			45					
6	Kf2	Bh5	26			46					
7	Rd1	Kh4	27			47					
8	2h1	kg4	28			48					
9	Rd1	Kf5	29			49					
10	Ra5	Kf6	30			50					
11	Ra5	kg7	31			51					
12	Ra5	g4	32			52					
13	Ra4	g3	33			53					
14	kg2	g5	34			54					
15	Kh3	Be2	35			55					
16	kg2	Kf6	36			56					
17	Ra2	Bh4	37			57					
18	Ra5	Kh5	38			58					
19	Rc5	Be2	39			59					
20	Rc2	kg4	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.2 Board: 20

WHITE				FED CHN		RESULT (W) 0		
BLACK				FED AUS		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	e5	Rd7	41	Nc5	Rc11
2	g3	Nf6	22	ce1	Nc5	42		Qc8
3	Bg2	Bf5	23	Nf4	Qc9	43	Rd5	Qc8
4	o-o	e6	24	Bc4	Rd8	44	Rc4	Qc8
5	d3	1xc1	25	Bxb	f5	45	Ks2	Nf4
6	b3	Bb7	26	Qc4	Qc8	46	Qc8	Qc8
7	Bb2	oc	27	Qc8	Rf8	47	Qc8	SK
8	Nb2	Qc8	28	NdE	Nc7	48	RC	
9	Re1	Ra6	29	c4	cc	49	SK	Qc8
10	h5	h6	30	Rc4	Qc6	50	KXCS	Qc8
11	Nd2	Nd5	31	Rc4	Rb5	51	Kc8	XB3
12	Bb5	c5	32	Rd3	Qa1	52	h4	Rc13
13	e4	Bg6	33	Rd3	1x4	53	f3	
14	Qc2	Rd8	34	Qc6	Nf7	54	h4	g7
15	Ra4	b5	35	Rb8	Qc2	55	Rf5	g5
16	14	a3	36	Rf8	Bd4	56	h9	Kc4
17	14	14	37	Rd8	Qc4	57	Nd4	Qc8
18	Qc1	Qc8	38	Qc1	Rc4	58	15	
19	Qc2	Qc8	39	Qc1	Re1	59		
20	Bb2	14	40	Qd4	Qc8	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Yao, Yichao				Zhang, Luchao		Cui		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.20 Board: 20

WHITE				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK				FED AUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	e5 ^{1?}	Rd7	41	Re1	Qc8			
2	g3	Nf6	22	cxd5	Nc6	42	Qc6	Nc5			
3	Bg2	Bf5	23	^{2?} Nc4	Qc6	43	Rc1	Rd5			
4	o-o	e6	24	Bc4	Rd8	44	Qc8-1	Kf7			
5	d3	Nc6	25	Bxc	fag6	45	Rc4	Qc8			
6	b3	Bc7	26	Qc4	g5	46	Kg2	Nd3			
7	Bb2	o-o	27	Qc4	Rf8	47	Qf8	Qf6			
8	Nb3	Qc8	28	Nd6	Nc7	48	Qc6	gxf6			
9	Re1	Rd8	29	d4	Qc8	49	Rc4	Kg6			
10	h3	h6	30	Rxd4	Qc6	50	g4	Nc5			
11	Nc5	Nc6	31	Rc3	Rd8	51	Kg3	Nd3			
12	Bxc	c5	32	Rc4	Qa6	52	h4	Rd3			
13	e4	Bg6	33	Rd3	Bf6	53	f3	gxf4			
14	Qc2	Rf8	34	Rd4	Qc8	54	Kd4	Rxf3			
15	Rd1	b5	35	Nf7	Rxf7	55	g5	h3			
16	c4	a5	36	Rd6	Qc2	56	Kg4	Nd4			
17	Nb1	b4	37	Rd6	Rxf6	57	Rc3	f5			
18	a4	Qc8	38	Bd4	Rd6	58					
19	Nd2 ^{1?}	Nd7	39	Qc4	Nc6	59					
20	Bb2	Nb6	40	Rc3 ^{1?}	Qd4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Yichen Yao				Lukas Zha				C. Chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.07.23 21

Group B/2
Round 8

WHITE Vairaj Sogerial (U23 Std)				FED INDIA				RESULT (W) 1			
BLACK Xia Zi (U15 Std)				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	g6	21	Bf4	Qb6	30			41		
2	d4	e6	22	e4	f4	31			42		
3	g3	d5	23	e5	f4	32			43		
4	Bg2	dxc4	24	Bg4	g3	33			44		
5	Qa4	f9	25	Bc3	g6	34			45		
6	Qc4	Qa7	26	b4	g3	35			46		
7	Qc2	g7	27	bxc5	Qe5	36			47		
8	Nf3	Be7	28	c6	Qc7	37			48		
9	O-O	g6	29	Pd7	g6	38			49		
10	Rd1	Qb6	30	Qd2	Be5	39			50		
11	Nc3	Qa7	31	Ra1	Ra8	40			51		
12	h3	f9	32	Bc5	Ra8	41			52		
13	Nc5	Bd7	33	Qe3	Rd8	42			53		
14	Nxd7	Nxd7	34	Re1	Bh8	43			54		
15	d5	exd5	35	Bxc8	Rxc8	44			55		
16	Nxd5	Bd5	36	Qe8	Rxc8	45			56		
17	Bxd5	Ra8	37	Rxc8	Kg7	46			57		
18	Rf1	Nf6	38	Rd6	Qa6	47			58		
19	Bf3	Qc7	39	c7		48			59		
20	b3	Rc8	40			49			60		
SIGNATURE (WHITE) VS				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER) C			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/07/26 21

Group U-12
Round 08

WHITE Vairaj Sogerial				FED INDIA				RESULT (W) 1			
BLACK Xia Zi				FED CHINA				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf4	Qa6	41					
2	c4	e6	22	c4	Rf8	42					
3	g3	d5	23	e5	Nc8	43					
4	Bg2	dx	24	Bg4	Ra8	44					
5	Qa4	Nbd7	25	Be3	g6	45					
6	Qc4	a6	26	b4	Qc7	46					
7	Qc2	c5	27	bxc5	Qe5	47					
8	Nf3	Be7	28	c6	Qc7	48					
9	O-O	O-O	29	Bd7	Qd6	49					
10	Rd1	Qb6	30	Qd2	Be5	50					
11	Nc3	Qa7	31	Ra1	Ra8	51					
12	h3	b5	32	Bc5	Ra8	52					
13	Nc5	Bd7	33	Qe3	Rf8	53					
14	Nxd7	Nxd7	34	Re1	Bh8	54					
15	d5	exd5	35	Bxc8	Rxc8	55					
16	Nxd5	Bxd5	36	Qxe8	Rxc8	56					
17	Bxd5	Ra8	37	Rxc8	Kg7	57					
18	Be3	Nf6	38	Rd6	Qa6	58					
19	Bf3	Qc7	39	c7		59					
20	b3	Rc8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) VS				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER) C			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/23

Group B12
Round 8
Board 22

WHITE Lan Jinglin				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Guangyu				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe3	Rf8	41	Qb5	Bb4			
2	Nf3	Nf6	22	c4	Bc6	42	Kh2	Qc1			
3	Bf4	eb	23	Rf8	Rf8	43	Bb3				
4	e3	c5	24	dc	acd	44					
5	c3	Nc6	25	Bb3	Bf7	45					
6	Nbd2	Bd6	26	Qd8	Qd7	46					
7	Bg3	O-O	27	Qc3	Qc7	47					
8	Bd3	g6	28	Qc3	Bb6	48					
9	Ne5	cd	29	Bc8	Qf8	49					
10	ed	Qc7	30	Qc3	Qd8	50					
11	f4	Nh5	31	Bc2	Qd6	51					
12	Qf3	f6	32	a4	Bc7	52					
13	Nc6	bc	33	Nf1	Bd8	53					
14	O-O	ex	34	Qc4	Qe6	54					
15	fe	fe	35	Qd5	ab	55					
16	Qe3	Rf1	36	Bb3	Qg5	56					
17	Rf1	Ng3	37	Bc2	Bf6	57					
18	hg	Qe7	38	b4	Qc1	58					
19	Qh6	e4	39	b5	ab	59					
20	Bc2	Bf5	40	ab	Qd1	60					
SIGNATURE (WHITE) Lan Jinglin				SIGNATURE (BLACK) Zhao Guangyu				SIGNATURE (ARBITER) Can			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/23

Group B12
Round 8
Board 22

WHITE Lan Jinglin				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Zhao Guangyu				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe3	Rf8	41	Qb5	Bd4			
2	Nf3	Nf6	22	c4	Bc6	42	Kh2	Qc1			
3	Bf4	eb	23	Rf8	Rf8	43	Bb3				
4	e3	c5	24	cd	cd	44					
5	c3	Nc6	25	Bb3	Bf7	45					
6	Nbd2	Bd6	26	Qd8	Qd7	46					
7	Bg3	O-O	27	Qc3	Bc7	47					
8	Bd3	g6	28	Qc3	Bb6	48					
9	Ne5	cd	29	Qc3	Bf8	49					
10	ed	Qc7	30	Qc3	Qd8	50					
11	f4	Nh5	31	Bc2	Qd6	51					
12	Qf3	f6	32	a4	Bc7	52					
13	Nc6	bc	33	Nf1	Bd8	53					
14	O-O	ex	34	Qc4	Qe6	54					
15	fe	fe	35	Qd5	ab	55					
16	Qe3	Rf1	36	Bb3	Qg5	56					
17	Rf1	Ng3	37	Bc2	Bf6	57					
18	hg	Qe7	38	b4	Qc1	58					
19	Qh6	e4	39	b5	ab	59					
20	Bc2	Bf5	40	ab	Qd1	60					
SIGNATURE (WHITE) Lan Jinglin				SIGNATURE (BLACK) Zhao Guangyu				SIGNATURE (ARBITER) Can			



28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23 Oct 2023

Group

B12

Round

8

Board

23

WHITE <i>Mukashav, Alrami</i>				FED <i>KAZ</i>				RESULT (W)			
BLACK <i>Xu Shue</i>				FED <i>CHN</i>				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Nd2	P5	41	Nc4	Rb4			
2	Q3	g5	22	Nc4	K5	42	d5	K55			
3	b3	g7	23	Qj2	Qb7	43	ndj3	1b3			
4	c62	0-0	24	Kd5	Qd5	44	Nd2	Nd4			
5	g2	25	25	Nf1	E4	45	Nd2	1b2			
6	c4	c5	26	b4	e3	46	Nb2	Nd6			
7	c1	Q15	27	fe	Nb6	47	Nd3	1a2			
8	0-0	Qh5	28	Nc5	ce7	48	Nc4	1h2			
9	b4	K5	29	Qe3	de	49	Nb6	1h3			
10	d3	N18	30	N5	1c14	50					
11	Nb2	c2	31	cc1	K45	51					
12	Nc1	1a2	32	Nd2	f4	52					
13	Qc2	Nd4	33	Qx	1a2	53					
14	Qd1	cc8	34	Nc4	Nb4	54					
15	Nd4	cd	35	Nd4	Nd2	55					
16	cc8	6e	36	cc3	Qb6	56					
17	Nf3	c5	37	Q4	Nc3	57					
18	Nc4	Nd5	38	Q5	1b2	58					
19	Qc3	Nb6	39	Nb2	1b2	59					
20	1a2	Q15	40	cc5	1b2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
<i>Alrami</i>				<i>Xu Shue</i>				<i>CA</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.23

Group

B12

Round

8

Board

23

WHITE <i>Mukashav, Alrami</i>				FED <i>KAZ</i>				RESULT (W)			
BLACK <i>Xu Shue</i>				FED <i>CHN</i>				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Nd2	e5	41	Nc4	Nb4			
2	Q3	g6	22	Nc4	45	42	d4	1b5			
3	b3	g7	23	Qd2	Qb7	43	Kc3	Kb3			
4	Bb2	0-0	24	Nd5	Qd5	44	Kt2	Kt7			
5	Bg2	d5	25	Kc1	e4	45	Nd2	Kb2			
6	c4	c5	26	b4	e3	46	Kc2	Kc6			
7	cd	Qd5	27	fe	Bb6	47	Kd3	Ka2			
8	0-0	Qh5	28	Kc5	Be3	48	Nc4	Rh2			
9	h4	Nc6	29	Qd3	de	49	Nb6	Kh3			
10	d3	Rd8	30	Rd5	Kc1	50					
11	nd2	Bd7	31	Bc1	Nd5	51					
12	Kc1	Rd8	32	Rd5	1a2	52					
13	Qd2	Nh4	33	Nh4	Rh8	53					
14	Qd1	Bc6	34	Nc4	Nh4	54					
15	Nd4	cd	35	Kt2	Nc2	55					
16	Bc6	bc	36	Be3	Qb6	56					
17	Nb3	c5	37	Q4	Nc3	57					
18	Kc4	Nd5	38	Q5	Rd8	58					
19	Q3	Nb6	39	Nb2	Nd5	59					
20	Kc2	Qd5	40	Bc5	Rb8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
<i>Alrami</i>				<i>Xu Shue</i>				<i>CA</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **B12**
Round **8**
Date **23.07.26**
Board **24**

WHITE Li Haoqing				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Krachenko Nikita				FED RUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nd4	de	41					
2	c4	e6	22	Bc5	Rf6	42					
3	Nf3	d5	23	Nc5	Qc5	43					
4	Nc3	dc	24	Bg3	Qb4	44					
5	e3	a6	25	f3	Qb2	45					
6	a4	c9	26	Bc4	Rg5	46					
7	Bc4	Nc4	27	Bc5	Kf8	47					
8	o-o	Qc7	28	Bf2	Bf3	48					
9	dc	Bc5	29	Bh3	Rag5	49					
10	e4	h6	30	Bd4	Kh2	50					
11	Qc2	Ng4	31	Bf5	Rf5	51					
12	h3	Nd4	32	Nc2	Rg2	52					
13	hg	Ne2	33	Kh1	Rf2	53					
14	Be2	b6	34	Rf3	Rh2	54					
15	e5	Bb7	35	Kg1	Qg2	55					
16	Bf4	o-o	36			56					
17	Rac1	Qc7	37			57					
18	g6	h5	38			58					
19	Nd2	f6	39			59					
20	gf	gf	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Li Haoqing</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Krachenko Nikita</i>				SIGNATURE (JURY) <i>Can</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **B12**
Round **8**
Date **23.07.26**
Board **24**

WHITE Li Haoqing				FED CHN				RESULT (W)			
BLACK Krachenko Nikita A				FED RUS				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nd4	fe5	41					
2	c4	e6	22	Bc5	Rf5	42					
3	Nf3	d5	23	Nc5	Qc5	43					
4	Nc3	dc4	24	Bb3	Qb4	44					
5	e3	a6	25	f3	Qb2	45					
6	a4	c5	26	Bc4	Rf5	46					
7	Bc4	Nc4	27	Bc6	Kf8	47					
8	o-o	Qc7	28	Bf2	Bf3	48					
9	dc	Bc5	29	Bh3	Rag5	49					
10	e4	h6	30	Bd4	Kh2	50					
11	Qc2	Ng4	31	Bf5	Rf5	51					
12	h3	Nd4	32	Nc2	Rg2	52					
13	hg	Ne2	33	Kh1	Rf2	53					
14	Be2	b6	34	Rf3	Rh2	54					
15	e5	Bb7	35	Kg1	Qg2	55					
16	Bf4	o-o	36			56					
17	Rac1	Qc7	37			57					
18	g5	h5	38			58					
19	Nd2	f6	39			59					
20	gf	gf	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Li Haoqing</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Krachenko Nikita A</i>				SIGNATURE (JURY) <i>Can</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 012

Round 8

Board 15

WHITE Liukasemsan Pannarong				FED THA				RESULT (W) 1			
BLACK Li Shicheng				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ra1	a5	41	Kf5	Kf7			
2	Nf3	Nc6	22	Rb6	Bc4	42	Rf4	Bd3			
3	d4	cd	23	Nd4	Bd4	43	Rf4	Rc4			
4	Nd4	g6	24	Bd4	a4	44	Rf3	Bc2			
5	Nc3	B97	25	Kh2	h5	45	Rh3	Kb6			
6	Bb3	Nf6	26	Kg3	Rd8	46	f4	Bc4			
7	Bc4	O-O	27	Rd1	Rd7	47	f5	Kd7			
8	Bb3	Re8	28	Kf4	Rd5	48	Rh2	Rd2			
9	h3	e6	29	Q4	h4	49	Rd2	Kf6			
10	O-O	d5	30	Rd2	Bf1	50	Bd8	Rd2			
11	ed	Nd5	31	Kf3	Bh7	51	Rc7	Kf6			
12	Nd5	ed	32	Rd1	Rg5	52	f6	Rf2			
13	c3	Nd5	33	Rh1	f5	53	Rd7	Kb6			
14	Qd3	a6	34	Rf6	fg	54	Rd6	Kf7			
15	Rd1	g5	35	Kf4	Rf5	55					
16	Nd2	Nb3	36	Rf5	gf	56					
17	g6	Bf5	37	Kf5	Re2	57					
18	Qd5	Qd5	38	Kg3	Re6	58					
19	Rd5	Bc6	39	Bf6	Bg2	59					
20	Rd6	Bb3	40	Rh4	Bc4	60					
SIGNATURE (WHITE) Chin				SIGNATURE (BLACK) Li Shicheng				SIGNATURE (ARBITER) Chin			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 012

Round 8

Board 25

WHITE Liukasemsan Pannarong				FED THA				RESULT (W) 1/2			
BLACK Li Shicheng				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ra1	a5	41	Kg5	Kf7			
2	Nf3	Nc6	22	Rb6	Bc4	42	Rg4	Bd3			
3	d4	cx d4	23	Nd4	Bx d4	43	Rf4	Re4			
4	Nxd4	g6	24	Oxd4	a4	44	Rf3	Bc2			
5	Nc3	Bg7	25	Kh2	h5	45	Rh3	Kb6			
6	Bc3	Nf6	26	Kg3	Rd8	46	f4	Bc4			
7	Bc4	O-O	27	Rd1	Rd7	47	f5	Kd7			
8	Bb3	Re8	28	Kf4	Rd5	48	Rh2	Rd2			
9	h3	e6	29	Q4	h4	49	Rd2	Kf6			
10	O-O	d5	30	Rd2	Bf1	50	Bd8	Rd2			
11	cx d5	Nxd5	31	Kf3	Bh7	51	Rc7	Kf6			
12	Nxd5	cx d5	32	Rd1	Rg5	52	f6	Rf2			
13	c3	Nd5	33	Rh1	f5	53	Rd7	Kb6			
14	Qd3	a6	34	Rf6	fg	54	Rd6	Kf7			
15	Rd1	g5	35	Kf4	Rf5	55					
16	Ne2	Nxb3	36	Rf5	gf	56					
17	ax b3	Bf5	37	Kf5	Re2	57					
18	Qd5	Qd5	38	Kg3	Re6	58					
19	Rd5	Bc6	39	Bf6	Bg2	59					
20	Rd6	Bb3	40	Rh4	Bc4	60					
SIGNATURE (WHITE) Chin				SIGNATURE (BLACK) Li Shicheng				SIGNATURE (ARBITER) Chin			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.04.23

Group: B12

Round: 08

Board: 08

26

WHITE				FED		RESULT (W)		
HUANG SHENGBIN				CHINA		0		
BLACK				FED		RESULT (B)		
SETHIKA HANSIRA SAMARANGA				SRI LANKA		1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qxd4	Qxh2	41		
2	b4	c-b4	22	Re2	h4 Ch6	42		
3	d4	c6 (C8D)	23	ac3	Rd6	43		
4	Bb3	d5	24	Qe2	N3	44		
5	c5	nc6	25	Bb3	Og2	45		
6	Bd3	Ng7C8D	26	Ke1	Qg1#	46		
7	Nf3 (a0)	Ng6	27			47		
8	O-O	Be7	28			48		
9	Ch	bxc4	29			49		
10	Nxc3	O-O	30			50		
11	Rc1	f5	31			51		
12	Rc1 (7d)	Nh4Ga)	32			52		
13	Bc2	g5	33			53		
14	g3	Ng6	34			54		
15	as	Kg2	35			55		
16	Bd2	h5	36			56		
17	Kf1	g4C64	37			57		
18	Ng1	N-d4	38			58		
19	N-d5	Q-d5	39			59		
20	B-c4	Qh1	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Huang Shengbin				Sethika		Arbiter		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.04.23

Group: B12

Round: 08

Board: 08

26

WHITE				FED				RESULT (W)			
Huang Shengbin				CHN				0			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Samaraweera SM SETHIKA HANSIRA				SRI				1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	Qxd4	Qxh2	41					
2	b4	Cxb4	22	Re2	h4	42					
3	d4	e6	23	Rc3	Rd8	43					
4	Bb2	d5	24	Qe3	h3	44					
5	e5	NC6	25	Bb3	Qg2+	45					
6	Bd3	Ne7	26	Ke1	Qxg1#	46					
7	Nf3	Ng6	27			47					
8	O-O	Be7	28			48					
9	c4	bxc3	29			49					
10	Nxc3	O-O	30			50					
11	Rc1	f5	31			51					
12	Re1	Nf4	32			52					
13	Bf1	g5	33			53					
14	g3	Ng6	34			54					
15	a3	Kg7	35			55					
16	Bd3	h5	36			56					
17	Kf1	g4	37			57					
18	Ng1	NXd4	38			58					
19	Nxd5	Qxd5	39			59					
20	BC4	Qh1	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER) *			
Huang Shengbin				Samaraweera SM SETHIKA HANSIRA				Cao			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.04.26

Group B-12
Round 8
Board 24

WHITE Wang, Hsiao-Chuan				FED TPE				RESULT (W) 0			
BLACK Malanin, Egor				FED RUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	J4	d5	21	PP3	CF1	41					
2	KP3	e6	22	KPH1	PC2	42					
3	CE1	c6	23	CPE1	KPG	43					
4	KC3	dc	24	KE1	PJB	44					
5	Q24	CE1	25	KE1	PGG	45					
6	Q2	Q5	26	h4	e4	46					
7	Q3	b5	27	PP3	CE1	47					
8	Q6	CC3	28	d3	KE1	48					
9	Q3	C6	29	PE5	PH6	49					
10	b3	CB4	30	PE5	KPG	50					
11	bc	b4	31	PH1	PH2	51					
12	CE2	KPG	32	QAU	PH3	52					
13	CE3	Kb4	33	PA5	CE5	53					
14	CCA	O-O	34	PA5	CE4	54					
15	O-O	PC4	35	PA5	PH4	55					
16	PE2	e5	36	Q3	CFJ8	56					
17	d5	K25	37	PH1	PH5	57					
18	CH4	KPH4	38	PC3	KQ1	58					
19	CE	CA6	39	KH3	K25	59					
20	KQ5	KPH8	40	KF4	KF3	60					
SIGNATURE (WHITE) Wang				SIGNATURE (BLACK) (U)				SIGNATURE (ARBITER) (C)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23.04.26

Group B-12
Round 8
Board 27

WHITE Wang, Hsiao-Chuan				FED TPE				RESULT (W) 0			
BLACK Malanin, Egor				FED RUS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qf3	Bxf1	41					
2	Nf3	e6	22	Kxf1	Qc2	42					
3	c4	c6	23	Kc1	Nf6	43					
4	Nc3	dxc4	24	Rc1	Qd3	44					
5	Q4	B64	25	Rd1	Qg6	45					
6	Bd2	a5	26	h4	e5	46					
7	e3	b5	27	Qg3	Rad1	47					
8	axb5	Bxc3	28	d6	Nh5	48					
9	Bxc3	cxb5	29	Qe5	Qxd6	49					
10	b3	Bb7	30	Qx05	Nf6	50					
11	bxc4	b4	31	Qx05	Qd5	51					
12	Bd2	Nf6	32	Qd4	Qf5	52					
13	Bd3	Nd7	33	Qd5	Rd5	53					
14	Bc2	O-O	34	Qc7	Rd7	54					
15	O-O	Qc7	35	Qd5	Qg4	55					
16	Qd2	e5	36	g3	Rfd8	56					
17	d5	Nxd5	37	Qb4	Qf5	57					
18	Bxh7	Kxh7	38	Qc3	Ng4	58					
19	Cxd5	Bg6	39	Nh3	Ne5	59					
20	Ng5	Kg8	40	Nf4	Nf3	60					
SIGNATURE (WHITE) Wang				SIGNATURE (BLACK) (U)				SIGNATURE (ARBITER) (C)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Board 288

WHITE Ping Ancheng				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Pi Chengxi				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ef	c5	21	Nd6	Rd6	41	Rb7	Rd1			
2	Nf3	Nc6	22	cd	Nab	42	Kc4	Rc4d			
3	c3	d5	23	fe	Re3	43	Kb5	Rb1			
4	ed	Qd5	24	ke2	Rg3	44	Ka6	Ra1			
5	d4	Nf6	25	Rf6	g4	45	Kb6	Rb1			
6	Re3	Bf4	26	Rh7	Rg7	46	Ka6	Rb7			
7	dc	Qd1	27	Ke3	Ra2	47	cb	Kb8			
8	Kd1	e5	28	Rc7	Rab	48					
9	b4	e5	29	Rc6	Kd7	49					
10	h3	Bh5	30	Rf7	Ka8	50					
11	g4	Ng4	31	Re7	Kc8	51					
12	h3	13g4	32	Rf8	Kd7	52					
13	Ne2	ef	33	Rf7	Kf8	53					
14	Kf2	0-0-0	34	b5	Rb6	54					
15	Bh3	Bh3	35	Kc4	g6	55					
16	Rh3	Bd7	36	ba	Rab	56					
17	Rf3	Bf6	37	Kd5	Rc6	57					
18	Rh1	Ne5	38	c4	Rh6	58					
19	Ng4	Nd6	39	c5	b6	59					
20	Ra4	Bh5	40	cl	Rh1	60					
SIGNATURE (WHITE) Ping Ancheng				SIGNATURE (BLACK) Pi Chengxi				SIGNATURE (ARBITER) Can			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Board 288

WHITE Ping Ancheng				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Pi Chengxi				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	1:30 ef	c5 1:30	21	1:26 Nb6	Rd6 1:02	41	1:24 Rb7	Rd1 1:04			
2	1:31 Nf3	Nc6 1:31	22	1:27 cd	Ne3 1:02	42	1:22 Kc4	Rc4d 1:04			
3	1:31 c3	d5 1:31	23	1:27 fe	Re3 1:02	43	1:22 Kb5	Rb1 1:05			
4	1:31 ed	Qd5 1:32	24	1:23 ke2	Rg3 1:02	44	1:22 Ka6	Ra1 1:05			
5	1:32 d4	Nf6 1:32	25	1:23 Rf6	g4 1:02	45	1:23 Kb6	Rb1 1:06			
6	1:32 Re3	Bf4 1:32	26	1:23 Rh7	Rg7 1:03	46	1:23 Ka6	Rb7 1:06			
7	1:32 dc	Qd1 1:33	27	1:23 Ke3	Ra2 1:03	47	1:24 cb	Kb8 1:06			
8	1:33 Kd1	e5 1:32	28	1:24 Rc7	Rab 1:03	48					
9	1:32 b4	e5 1:32	29	1:23 Rc6	Kd7 1:04	49					
10	1:33 h3	Bh5 1:32	30	1:23 Rf7	Ka8 1:04	50					
11	1:33 g4	Ng4 1:32	31	1:24 Re7	Kc8 1:02	51					
12	1:33 h3	Bg4 1:30	32	1:19 Rf8	Kd7 1:02	52					
13	1:33 Ne2	ef 1:25	33	1:19 Rf7	Kf8 1:03	53					
14	1:28 Kf2	0-0-0 1:24	34	1:20 b5	Rb6 1:03	54					
15	1:28 Bh3	Bh3 1:21	35	1:20 Kc4	g6 1:03	55					
16	1:29 Rh3	Bd7 1:24	36	1:20 Ra4	Rab 1:04	56					
17	1:28 Rf3	Bf6 1:21	37	1:20 Kd5	Rc6 1:04	57					
18	1:26 Rh1	Ne5 1:24	38	1:21 c4	Rh6 1:05	58					
19	1:27 Ng4	Nd6 1:04	39	1:21 c5	b6 1:03	59					
20	1:27 Ra4	Bh5 1:04	40	1:21 cl	Rh1 1:04	60					
SIGNATURE (WHITE) Ping Ancheng				SIGNATURE (BLACK) Pi Chengxi				SIGNATURE (ARBITER) Can			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:38

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Yunxiang		Tran Minh Hieu		CAN		VIE		CAN		VIE	
1		2		3		4		5		6	
d4		Nf3		e4		Nf3		d4		Nf3	
c4		e6		Nf3		d4		Nf3		d4	
Nf3		d4		Nf3		d4		Nf3		d4	
Nc3		d4		Nc3		d4		Nc3		d4	
e3		d4		e3		d4		e3		d4	
a4		Bc2		a4		Bc2		a4		Bc2	
Bc4		g6		Bc4		g6		Bc4		g6	
O-O		e5		O-O		e5		O-O		e5	
Qe2		Nbd7		Qe2		Nbd7		Qe2		Nbd7	
Rd1		e4		Rd1		e4		Rd1		e4	
e4		Nbd7		e4		Nbd7		e4		Nbd7	
Bb3		Nbd7		Bb3		Nbd7		Bb3		Nbd7	
Nd5		Nd5		Nd5		Nd5		Nd5		Nd5	
Bb2		b6		Bb2		b6		Bb2		b6	
Rac1		Bb2		Rac1		Bb2		Rac1		Bb2	
Bb3		Qd6		Bb3		Qd6		Bb3		Qd6	
Nc4		Rac5		Nc4		Rac5		Nc4		Rac5	
Qd2		Rf8		Qd2		Rf8		Qd2		Rf8	
Nc4		Qb8		Nc4		Qb8		Nc4		Qb8	
Nc5		Bd6		Nc5		Bd6		Nc5		Bd6	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:40

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Yunxiang		Tran Minh Hieu		CAN		VIE		CAN		VIE	
1		2		3		4		5		6	
d4		Nf3		e4		Nf3		d4		Nf3	
c4		e6		Nf3		d4		Nf3		d4	
Nf3		d4		Nf3		d4		Nf3		d4	
Nc3		d4		Nc3		d4		Nc3		d4	
e3		d4		e3		d4		e3		d4	
a4		Bc2		a4		Bc2		a4		Bc2	
Bc4		g6		Bc4		g6		Bc4		g6	
O-O		e5		O-O		e5		O-O		e5	
Qe2		Nbd7		Qe2		Nbd7		Qe2		Nbd7	
Rd1		e4		Rd1		e4		Rd1		e4	
e4		Nbd7		e4		Nbd7		e4		Nbd7	
Bb3		Nbd7		Bb3		Nbd7		Bb3		Nbd7	
Nd5		Nd5		Nd5		Nd5		Nd5		Nd5	
Bb2		b6		Bb2		b6		Bb2		b6	
Rac1		Bb2		Rac1		Bb2		Rac1		Bb2	
Bb3		Qd6		Bb3		Qd6		Bb3		Qd6	
Nc4		Rac5		Nc4		Rac5		Nc4		Rac5	
Qd2		Rf8		Qd2		Rf8		Qd2		Rf8	
Nc4		Qb8		Nc4		Qb8		Nc4		Qb8	
Nc5		Bd6		Nc5		Bd6		Nc5		Bd6	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11:48

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Zhang Yunxiang		Tran Minh Hieu		CAN		VIE		CAN		VIE	
1		2		3		4		5		6	
d4		Nf3		e4		Nf3		d4		Nf3	
c4		e6		Nf3		d4		Nf3		d4	
Nf3		d4		Nf3		d4		Nf3		d4	
Nc3		d4		Nc3		d4		Nc3		d4	
e3		d4		e3		d4		e3		d4	
a4		Bc2		a4		Bc2		a4		Bc2	
Bc4		g6		Bc4		g6		Bc4		g6	
O-O		e5		O-O		e5		O-O		e5	
Qe2		Nbd7		Qe2		Nbd7		Qe2		Nbd7	
Rd1		e4		Rd1		e4		Rd1		e4	
e4		Nbd7		e4		Nbd7		e4		Nbd7	
Bb3		Nbd7		Bb3		Nbd7		Bb3		Nbd7	
Nd5		Nd5		Nd5		Nd5		Nd5		Nd5	
Bb2		b6		Bb2		b6		Bb2		b6	
Rac1		Bb2		Rac1		Bb2		Rac1		Bb2	
Bb3		Qd6		Bb3		Qd6		Bb3		Qd6	
Nc4		Rac5		Nc4		Rac5		Nc4		Rac5	
Qd2		Rf8		Qd2		Rf8		Qd2		Rf8	
Nc4		Qb8		Nc4		Qb8		Nc4		Qb8	
Nc5		Bd6		Nc5		Bd6		Nc5		Bd6	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:28

Group B12
Round 8
Board 30

WHITE <u>Safayat Kibria Azaan (2021)</u>				FED <u>BAN</u>				RESULT (W) <u>1</u>			
BLACK <u>Kim Junesun (1695)</u>				FED <u>GUM</u>				RESULT (B) <u>0</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	f3	Nh7	41					
2	d4	d5	22	Nxh7	Kxh7	42					
3	e5	Bf5	23	g4	Nxe8	43					
4	h4	h5	24	Rxc3	hxg4	44					
5	Bd3	Bxd3	25	Bxg4	Ke7	45					
6	Qxd3	e6	26	Rf5	Rh8	46					
7	Bg5	Be7	27	Qf2	Qd7	47					
8	Nf3	Nd7	28	Qf6	Kg8	48					
9	Nc3	Qb6	29	Rxf3	Rf8	49					
10	o-o	Bxg5	30	h5	Rh7	50					
11	Nxg5	Ne7	31	Kf2	Rg7	51					
12	Ne2	Nf5	32	h6	Rh7	52					
13	g3	c5	33	Qxg6	Kg6	53					
14	c3	c4	34	Qf6	kg8	54					
15	Qc2	Qc6	35	Ks3	g5	55					
16	Nf4	g6	36	J5		56					
17	Ng2	O-O	37			57					
18	Nc3	Rfe8	38			58					
19	Rfe1	Nf8	39			59					
20	Kh2	h5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>[Signature]</u>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10:28

Group B12
Round 8
Board 30

WHITE <u>Safayat Kibria Azaan</u>				FED <u>BAN</u>				RESULT (W) <u>1</u>			
BLACK <u>Kim Junesun</u>				FED <u>GUM</u>				RESULT (B) <u>0</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	f3	Nh7	41					
2	d4	d5	22	Nh7	Kh7	42					
3	e5	Bf5	23	g4	Ne3	43					
4	h4	h5	24	Re3	hg4	44					
5	Bd3	Bd3	25	fg4	kg7	45					
6	Qd3	e6	26	Rf1	Rh8	46					
7	Bg5	Be7	27	Qf2	Qd7	47					
8	Nf3	Nbd7	28	Qf6+	kg8	48					
9	Nc3	ab6	29	Rxf3	Rf8	49					
10	o-o	Bg5	30	h5	Rh7	50					
11	Ng5	Ne7	31	kg2	Rg7	51					
12	Ne2	Nf5	32	h6	Rh7	52					
13	g3	c5	33	Qg6	Kh8	53					
14	c3	c4	34	Qf6	kg8	54					
15	Qc2	Qc6	35	kg3	a5	55					
16	Nf4	g6	36	g5		56					
17	Ng2	O-O	37			57					
18	Ne8	Rf8	38			58					
19	Rfe1	Nf8	39			59					
20	Kh2	b5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>[Signature]</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>[Signature]</u>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/23

Group B12
Round 8
Board 31

WHITE		✓ Zhou Siyuan	China	FED 1069	RESULT (W)	1		
BLACK		Xu Huanbo		FED 1823	RESULT (B)	0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf4	Qf6	41	Rb7	
2	Nf3	d6	22	Q5	Nes	42	1-0	
3	d4	cd	23	Bh6	Kb1	43		
4	Nd4	Nf6	24	Qe7	Nf4	44		
5	Nc3	g6	25	Nfd7	Ng6	45		
6	Be3	Bg7	26	Ng6	///	46		
7	f3	o-o	27	Qh5	Qh7	47		
8	ad2	Nc6	28	Rf7	Bg7	48		
9	g4	Be6	29	Qh7	Kh7	49		
10	Neb	fe	30	Rd7	Rb8	50		
11	o-o-o	Nd7	31	h5	Nes	51		
12	Bc4	Rf3	32	Rd6	Re8	52		
13	Re6	Kh8	33	a3	Re7	53		
14	h4	Nf8	34	h6	Bh8	54		
15	Nes	Nes	35	c3	Nc6	55		
16	Qe2	Re3	36	Bc2	kg8	56		
17	Qe3	Nf4	37	Rg1	kf8	57		
18	Qe2	h5	38	Rf1	ke8	58		
19	Rdf1	Rc8	39	Bg6	Rf7	59		
20	Nd5	e6	40	Rf7	Nes	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Zhou Siyuan			Eden/Kee			Ca		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/23

Group B12
Round 8
Board 31

WHITE				FED		RESULT (W)		
Zhou Siyuan				66 Ctm		1		
BLACK				FED		RESULT (B)		
Xu Huanbo (Eden)				N2L		0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf4	Qf6	41	Rxb7	Resign
2	Nf3	d6	22	Q5 h5	Nxe5	42		
3	d4	cxd4	23	Nxe6	Bh6+	43		
4	Nxd4	Nf6	24	Kb1	Qe7	44		
5	Nc3	g6	25	Nf4	Nn7	45		
6	Be3	Bg7	26	Nxg6+	Nxg6	46		
7	f3	O-O	27	Qxh5	Qh7	47		
8	Qd2	Nc6	28	Rf7	Bg7	48		
9	g4	Bb6	29	Qxh7+	Kxh7	49		
10	Nxe6	fxe6	30	Rxd7	Rxg7 Rxh7	50		
11	O-O-O	Nd7	31	h5	Nes	51		
12	Bc4	Rxf3	32	Rxd6	Re8	52		
13	Bxe6+	Kh8	33	a3	Rc7	53		
14	h4	Nf8	34	h6	Bh8	54		
15	Bb3	Nes	35	c3	Nc6	55		
16	Qe2	Rxe3	36	Bc2	kg8	56		
17	Qxe3	Nxg4	37	Bg1	kf8	57		
18	Qe2	h5	38	Rf1	Ke8	58		
19	Rdf1	Rc8	39	Bg6+	Rf7	59		
20	Nd5	e6	40	Rxf7	Nes	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Zhou Siyuan				Eden/Ku		Ca		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 8
Date 7.23
Board 32

WHITE 邱宇				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK 邱宇				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qd2	Ne5	41	K5	Qd2			
2	Nc3	d5	22	Qb4	Kd3	42	h6	a2			
3	Nf3	Nf6	23	Qd2	Nd4	43	Qd2	Rb8			
4	e5	Nd7	24	Qd2	Rd8	44	Qd2	Rd8			
5	d4	c5	25	Qd2	Rd2	45	Qd2	Qd1			
6	Nce2	cd	26	Qd2	Rd2	46	Qd2	Qd1			
7	Ned4	Nb6	27	Kf3	Nc2	47					
8	Nb6	bc	28	Bd2	Kd7	48					
9	Bd3	Be7	29	Rac1	Nd3	49					
10	c3	a5	30	Ra3	Ra3	50					
11	Bf4	Bab	31	Rc3	Rb8	51					
12	Bc2	Qb6	32	Kf4	a4	52					
13	Rb1	Bc5	33	Rb3	Rab3	53					
14	cd	Nd4	34	Rb3	Rb3	54					
15	cd	Nd4	35	Ka7	a3	55					
16	Bd3	Be7	36	Rd3	ke7	56					
17	Bd3	Be7	37			57					
18	Bab	Qab	38	Rd3	Kf6	58					
19	Bd3	Be7	39	Rd3	Qd8	59					
20	Bd3	Be7	40	Rd3	Qd8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 8
Date 7.23
Board 32

WHITE 邱宇				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK 邱宇				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Qd2	Ne5	41	K5	Qd2			
2	Nc3	d5	22	Qb4	Kd3	42	h6	a2			
3	Nf3	Nf6	23	Qd2	Nd4	43	Qd2	Rb8			
4	e5	Nd7	24	Qd2	Rd8	44	Qd2	Rd8			
5	d4	c5	25	Qd2	Rd2	45	Qd2	Qd1			
6	Nce2	cd	26	Qd2	Rd2	46	Qd2	Qd1			
7	Ned4	Nb6	27	Kf3	Nc2	47					
8	Nb6	bc	28	Bd2	Kd7	48					
9	Bd3	Be7	29	Rac1	Nd3	49					
10	c3	a5	30	Ra3	Ra3	50					
11	Bf4	Bab	31	Rc3	Rb8	51					
12	Bc2	Qb6	32	Kf4	a4	52					
13	Rb1	Bc5	33	Rb3	Rab3	53					
14	cd	Nd4	34	Rb3	Rb3	54					
15	cd	Nd4	35	Ka7	a3	55					
16	Bd3	Be7	36	Rd3	ke7	56					
17	Bd3	Be7	37			57					
18	Bab	Qab	38	Rd3	Kf6	58					
19	Bd3	Be7	39	Rd3	Qd8	59					
20	Bd3	Be7	40	Rd3	Qd8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
B/2
Round
8

Date
7.23
Board
33

WHITE				FED				RESULT (W)			
Wu Enjun				CHN				1			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Gu Junliang				CHN				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qxd5	Bd3	41					
2	Nf3	d5	22	Bd3	Bd3	42					
3	Bf4	Bf5	23	cd	cd	43					
4	e3	eb	24	c7+	1cb7	44					
5	Bd3	Nbd7	25	c8=	Qf6	45					
6	O-O	Be7	26	Rx8+	Rx8	46					
7	h3	h5	27	tg	hg	47					
8	Ng2	Nex	28	h4	g5	48					
9	Aes	f8	29	Rf6	Rf7	49					
10	Nxd7	Qd7	30	Kh8	Kh8	50					
11	f3	Nd5	31	Bab	Rc7	51					
12	Bg2	Qa8	32	Th2	Re1	52					
13	Bb1	Qf8	33	g5	b5	53					
14	cf	Bb6	34	g6	Rxe3	54					
15	Rxb6	Rd6	35	g7	fg3	55					
16	Rc	Rd8	36	Rxb3	e3	56					
17	c6	g4	37	g1=	Qf1	57					
18	Qb2	Rd6	38			58					
19	Rac	Qg8	39			59					
20	Bb6	b5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu Enjun				Gu Junliang				Can			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
B/2
Round
8

Date
7.13
Board
33

WHITE				FED				RESULT (W)			
Wu Enjun				CHN				1			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Gu Junliang				CHN				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd4	Qg8	41					
2	Nf3	d5	22	Bab	b1	42					
3	Bf4	Bf5	23	Qd6	Bd3	43					
4	e3	eb	24	Bd3	cd	44					
5	Bd3	Nbd7	25	c7	1cb7	45					
6	O-O	Be7	26	c8=	Qc8	46					
7	h3	h5	27	Rc8	Rc8	47					
8	Nbd2	Nex	28	fg	hg	48					
9	Nex	f8	29	hg	cg	49					
10	Nxd7	Qd7	30	Rf6	exf6	50					
11	f3	Nd2	31	Rf7	1cb8	51					
12	Qd2	g5	32	Bg6	Rc1	52					
13	Bg3	O-O	33	Kh2	Re1	53					
14	Qd5	Kh8	34	g5	b5	54					
15	Bb5	Qc8	35	g6	Re3	55					
16	c4	Be7	36	g7	Rg3	56					
17	Bd6	Rd6	37	Kh3	e3	57					
18	c5	Rd8	38	Qg8		58					
19	c6	g4	39			59					
20	Qb6	Rd6	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wu Enjun				Gu Junliang				Can			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/23 Board 34

WHITE Amanbek Dias (1759)				BLACK Chen Yong-ye (1633)			
FED KAZ				FED TPE			
RESULT (W)				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Bb5	Rb7	41	Rd1
2	c4	c6	22	g4	Rab8	42	Kd7
3	cx d5	cx d5	23	Rc5	Nc8	43	Rc5
4	Bf4	Nf6	24	Ba6	Rd4	44	Nf5
5	e3	Nc6	25	Bxc8	Rd4	45	Rxd5
6	Nc3	a6	26	Ne5	Rxa2	46	Rxh9
7	Bc2	Bf5	27	Nc6	Rbb2	47	Rc5
8	Nf3	h6	28	Rxa5	Bd3	48	Rxc4
9	h3	e6	29	Ra2	Ra2	49	Rc5
10	Qb3	Bb6	30	Rc1	Bc4	50	Kf3
11	Bd6	Qxd6	31	Nc7	Ra8	51	Rd5
12	Qb7	O-O	32	Bb7	Rb8	52	g4
13	Qb3	Rfb8	33	Nxc4	Rb7	53	h4
14	Qa3	Qxa3	34	Ne5	f6	54	Rc5
15	bxa3	Rc8	35	Nf3	Kf7	55	Kd8
16	Na4	Rc7	36	Rc6	Rb4	56	Rd8
17	Nc5	g5	37	Kh2	Rd1	57	d5
18	O-O	Ne7	38	Rcd4	Kg8	58	Ke5
19	Rd1	Nd7	39	Nf4	e5	59	Rd6
20	Nxd7	Rd7	40	Ne6	g5	60	Rd8

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) Chen SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

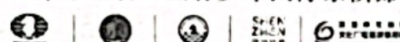


Date 7/23 Board 34

WHITE Amanbek Dias				BLACK Chen Yong-ye			
FED KAZ				FED TPE			
RESULT (W)				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Cb5	Rb7	41	Rd1
2	c4	c6	22	Qd1	Rb8	42	Kd7
3	cd	cd	23	Nc5	Nc8	43	Rc5
4	Cf4	Nf6	24	Col	Rd4	44	Nf5
5	e3	Nc6	25	Cc2	Rd4	45	Rxd5
6	Nc3	a6	26	Nc5	Ra2	46	Rxh9
7	Bc2	Bf5	27	Nc6	Rbb2	47	Rc5
8	Nf3	h6	28	Rxa5	Bd3	48	Rxc4
9	h3	e6	29	Ra2	Ra2	49	Rc5
10	Qb3	Bb6	30	Rc1	Bc4	50	Kf3
11	Bd6	Qxd6	31	Nc7	Ra8	51	Rd5
12	Qb7	O-O	32	Bb7	Rb8	52	g4
13	Qb3	Rfb8	33	Nxc4	Rb7	53	h4
14	Qa3	Qxa3	34	Ne5	f6	54	Rc5
15	bxa3	Rc8	35	Nf3	Kf7	55	Kd8
16	Na4	Rc7	36	Rc6	Rb4	56	Rd8
17	Nc5	g5	37	Kh2	Rd1	57	d5
18	O-O	Ne7	38	Rcd4	Kg8	58	Ke5
19	Rd1	Nd7	39	Nf4	e5	59	Rd6
20	Nxd7	Rd7	40	Ne6	g5	60	Rd8

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) Chen SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

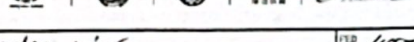


Date 7/23 Board 34

WHITE Amanbek Dias (1759)				BLACK Chen Yong-ye (1633)			
FED KAZ				FED TPE			
RESULT (W)				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
6	h5	Ra8	21			41	
6.2	g5	Rd1	22			42	
6.3	f5	Rh1	23			43	
6.4	h6	Kh7	24			44	
6.5	Rf7	Kd8	25			45	
6.6	Kf6	Ra1	26			46	
6.7	Re7	Kf8	27			47	
6.8	e5	Rh6	28			48	
6.9	d6	Rc6	29			49	
7.0	g6	Rc8	30			50	
7.1	d7	Rb8	31			51	
7.2	g7	Kg8	32			52	
7.3	Kg6	Re8	33			53	
7.4	h7	#	34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) Chen SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/23 Board 34

WHITE Amanbek Dias				BLACK Chen Yong-ye			
FED KAZ				FED TPE			
RESULT (W)				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	h5	Ra8	21			41	
2	g5	Rd1	22			42	
3	f5	Rh1	23			43	
4	h6	Kh7	24			44	
5	Rf7	Kd8	25			45	
6	Kf6	Ra1	26			46	
7	Re7	Kf8	27			47	
8	e5	Rh6	28			48	
9	d6	Rc6	29			49	
10	g6	Rc8	30			50	
11	d7	Rb8	31			51	
12	g7	Kg8	32			52	
13	Kg6	Re8	33			53	
14	h7	#	34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	

SIGNATURE (WHITE) SIGNATURE (BLACK) Chen SIGNATURE (ARBITER)

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 23/7/2026

Round: 8

Board: 35

WHITE: <i>Looka Kensei</i>				FED: JPN				RESULT (W)			
BLACK: <i>San Dawson</i>				FED: TPE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd5	Nd5	41					
2	Nf3	e6	22	Na5	Qc7	42					
3	c3	Nf6	23	Rxc7	Rxc7	43					
4	e5	Nd5	24	c4	Ba8	44					
5	g3	Nc6	25	exd5	exd5	45					
6	Bg2	Qc7	26	Rc1	Rc1	46					
7	O-O	J6	27	Rc1	Rb8	47					
8	exd6	Bxd6	28	f4	Kd7	48					
9	Na3	a6	29	Rc7	Kg6	49					
10	Nc4	Be7	30	f4	Kf6	50					
11	J4	exd4	31	Kf2	g5	51					
12	Nxd4	O-O	32	Df3	Kg6	52					
13	Nxc6	bxc6	33	Nc6	Bxc6	53					
14	Re1	Bb7	34	Rc6	a5	54					
15	Qg4	Bf6	35	bxa5	J4	55					
16	Bg5	Be7	36	Rd6	Ra8	56					
17	Bxf6	Nxf6	37	Bxa8		57					
18	Qg5	Ra8	38			58					
19	Ra1	Rf8	39			59					
20	a3	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE): <i>Looka</i>				SIGNATURE (BLACK): <i>San Dawson</i>				SIGNATURE (ARBITER): <i>Wang</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 23/7/2026

Round: 8

Board: 35

WHITE: <i>Grafitia, Kenta: (1712)</i>				FED: TPN				RESULT (W)			
BLACK: <i>San Dawson (168)</i>				FED: TPE				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd5	Nd5	41					
2	Nf3	e6	22	Na5	Qc7	42					
3	c3	Nf6	23	Qxc7	Rxc7	43					
4	e5	Nd5	24	c4	Ba8	44					
5	g3	Nc6	25	exd5	exd5	45					
6	Bg2	Qc7	26	Rc1	Rc1	46					
7	O-O	J6	27	Rxc1	Rb8	47					
8	exd6	Bxd6	28	b4	Kd7	48					
9	Na3	a6	29	Rc7	Kg6	49					
10	Nf4	Bd7	30	f4	Kf6	50					
11	d4	exd4	31	Kf2	g5	51					
12	Nxd4	O-O	32	Bf3	Kg6	52					
13	Nxc6	bxc6	33	Nc6	Bxc6	53					
14	Re1	Bb7	34	Rxc6	a5	54					
15	Qg4	Bf6	35	bxa5	J4	55					
16	Bg5	Be7	36	Rd6	Ra8	56					
17	Bxf6	Nxf6	37	Bxa8		57					
18	Qg5	Ra8	38			58					
19	Ra1	Rf8	39			59					
20	a3	h6	40			60					
SIGNATURE (WHITE): <i>Looka</i>				SIGNATURE (BLACK): <i>San Dawson</i>				SIGNATURE (ARBITER): <i>Wang</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.03

Group B12
Round 8
Board 36

WHITE <i>Bai aym</i>						FED CHN		RESULT (W) 1	
BLACK <i>Zhang Martin</i>						FED NZL		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e5	21	Rd1	Nb6	41			
2	Nf3	e6	22	Bg3	Nd5	42			
3	d4	cd	23	Qd2	h6	43			
4	Nd4	a6	24	Rad4	Qc3	44			
5	C4	Nf6	25	Rd1	Ne3	45			
6	Nc3	Bb4	26	Nf3	Md1	46			
7	Qd3	Bc3	27	Rd1	Rb8	47			
8	bc	Qa5	28	Rd8	Rd8	48			
9	f3	Nc6	29	Qd6	Rd1	49			
10	Nc6	bc	30	1d2	Qd8	50			
11	Be2	0-0	31	Bh4	g5	51			
12	0-0	d5	32	Qd8	kg7	52			
13	cd	cd	33	FLP	Rh1	53			
14	e5	Nd7	34			54			
15	Bd4	Bd4	35			55			
16	Bc6	Re3	36			56			
17	Rc8	C4	37			57			
18	Re	dc	38			58			
19	Bc4	Bb5	39			59			
20	Bd5	Rb	40			60			
SIGNATURE (WHITE) <i>Bai aym</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Martin</i>		SIGNATURE (ARBITER) <i>Wang</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 8
Board 36

WHITE				Ba: aym				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK				Martin zhan				FED NZL				RESULT (B) 1			
#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK
1	e4		c5	21	Rd1		Nb6	41							
2			Nf3	22			Bg3	Nd5	42						
3	d4		cxd4	23	Qd2		h6	43							
4			Nd4	24			Rd4	Qc3	44						
5	c4		Nf6	25	Rad1		Ne3	45							
6			Nc3	26			L3	Nd1	46						
7	Qd3		Brc3	27	Rxd1		Rd8	47							
8			brc3	28			Rd8	Rd8	48						
9	f3		Nc6	29	Qb6		Rd1	49							
10			Nd6	30			Kh2	Qc1	50						
11	Be2		O-O	31	Bh4		g5	51							
12			O-O	32			Qb4	Kg7	52						
13	cxd5		cd5	33	f4		Rh6	53							
14			e5	34			Nf5	54							
15	Bd4		Bh7	35				55							
16			Rd1	36				56							
17	Qc3		Rf5	37				57							
18	c4		dcd	38				58							
19	Bxc4		Bb5	39				59							
20			Bd5	40				60							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Bai aym				Martin				Wang							



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11.13

28th Asian Youth Chess Championships 2026								
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛								
    								
WHITE			BLACK			Date		
Song Yi quan			MURAT ANSAR			23.07.26		
FED CHN			FED KAZ			Board 87		
RESULT (W)			RESULT (B)			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	g4h7	g6	41	Kp2	f5
2	cf4	Kf6	22	ce	ce2	42	kd2	xe
3	e3	c5	23	Kd4	Kp2	43	Kd4	cf4
4	Kf3	Kc6	24	h6+	Kp2	44	Kf3	g2+
5	Kb2	Kh5	25	Ne5	Ne8	45	Kb2	Ne4
6	g5	h6	26	Ne8	Kp2	46	f4	
7	ch4	g5	27	Kp2	ce5	47		
8	eg3	kg3	28	Ne4	cl6	48		
9	hg	g4	29	Kc5	e5	49		
10	Kb2	Ne5	30	Kd3	Ne6	50		
11	de	ce7	31	Kp2	Kp2	51		
12	ce5+	cd7	32	Ne5	ce7	52		
13	g4	ce5	33	Kc4	Ne6	53		
14	Ne5	ce5	34	g3	Ne6	54		
15	Ne5	e6	35	Kp2	Ne6+	55		
16	g4	Kp2	36	Kp2	Ne6	56		
17	0-0-0	g8	37	g3	ce6	57		
18	g8	Ne8	38	Kp2	f6	58		
19	cl4	Kp2	39	Ne3	g6	59		
20	Ne5	ce6	40	g4	Ne6	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Song Yi quan			Murat			Wang		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

11.13

28th Asian Youth Chess Championships 2026								
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛								
    								
WHITE			BLACK			Date		
Song Yiguan			MURAT ANSAR			23.07.26		
FED CHN			FED KAZ			Board 87		
RESULT (W)			RESULT (B)			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kd1	Ng6	41	Kd3	f5
2	Bf4	Nf6	22	cd	B02	42	Ne2	f6
3	e3	c5	23	Ne4+	Ke7	43	Ne4	Rf3
4	Ne3	Nc6	24	dbt	Kd7	44	B02+	K02
5	Nd2	Nh5	25	Rc3	Rc8	45	Rxe4	f4
6	Bg4	h6	26	Rxc8	Kxc8	46		
7	Bh4	g5	27	Kd2	Bd5	47		
8	g3	Ng3	28	Rcl+	Bd5	48		
9	g3	g4	29	Ne5	05	49		
10	Ne5	Nxe5	30	Nd3	Rxd6	50		
11	de	Bg7	31	Ke2	Kd8	51		
12	Bd5+	Bd7	32	Nxe5	Bd5+	52		
13	g4	Be5	33	Nc6	Rab	53		
14	Rh5	Bx65	34	g3	Rc6	54		
15	Rxe5	c6	35	Kd3	Kd4+	55		
16	Qd7	Ke7	36	Ke2	Rd6	56		
17	0-0-0	Qg8	37	b3	Bd6	57		
18	Qg8	Rang8	38	Kd2	f6	58		
19	cl4	Kf6	39	Rc3	b6	59		
20	Rh5	Bab	40	e4	Reb	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Song Yiguan			Murat			Wang		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

B12

Round

8

Board

B12

WHITE Ni Chen				FED				RESULT (W)			
BLACK Ren Zhang ni				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c6	21	Qf2	a6	41					
2	d4	d5	22	b4	c6	42					
3	ed	cd	23	c6	Qb7	43					
4	Bd3	Nc6	24	Bc5	Rf8	44					
5	c3	Nf6	25	nc2	Bf8	45					
6	L3	Ob	26	Rdc1	Bc5	46					
7	Nf3	Bf5	27	bc	Rcb	47					
8	h3	Bd3	28	ad4	Rec8	48					
9	Qd3	Qe7	29			49					
10	Nbd2	Qd3	30			50					
11	re1	0-0	31			51					
12	Nes	Nes	32			52					
13	de	Nd7	33			53					
14	fp	Rad8	34			54					
15	Nb3	eb	35			55					
16	Be3	b6	36			56					
17	Rac1	Nc5	37			57					
18	Qe2	Qe7	38			58					
19	Nc5	bc	39			59					
20	Rfd1	RC8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Ren Zhang ni				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.12.31

Group

U12

Round

8

Board

38

WHITE Ni Chen				FED				RESULT (W)			
BLACK Ren Zhang ni				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c6	21	Qf2	a6	41					
2	d4	d5	22	b4	c6	42					
3	ed	cd	23	ch	Qb7	43					
4	Bd3	Nc6	24	Bc5	Rf8	44					
5	c3	Nf6	25	rc2	Bf8	45					
6	h3	g6	26	Rdc1	Bxc5	46					
7	Nf3	Bf5	27	bc	Rc6	47					
8	0-0	Rd3	28	Qd4	Rec8	48					
9	Qxd3	Qc7	29			49					
10	Nb2	Bg7	30			50					
11	Re1	0-0	31			51					
12	Nes	Nxc5	32			52					
13	de	Nd7	33			53					
14	ft	Rad8	34			54					
15	Nb3	eb	35			55					
16	Be3	b6	36			56					
17	Rac1	Nc5	37			57					
18	Qe2	Qe7	38			58					
19	Nxc5	bc	39			59					
20	Red1	RC8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				Ren Zhang ni				[Signature]			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group B/2

Round 8

Board 39

WHITE You Shengrui			FED CHN			RESULT (W) 0.5		
BLACK Zhong Dexi			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f5	Rd1	41		
2	c4	c6	22	fe	le	42		
3	g3	Ng6	23	ae4	Bg5	43		
4	Bg2	e6	24	Bg5	ed	44		
5	Nf3	Bd6	25	Rf1	Rd2	45		
6	O-O	O-O	26	Kh1	h6	46		
7	Nc3	Md7	27	Re1	Rb2	47		
8	Qc2	b6	28	Qc6	Qf5	48		
9	e4	de	29	g4	ag6	49		
10	Nd4	Ne4	30	as	Kh7	50		
11	ae4	Bb7	31	es	Qc2	51		
12	Ne5	Ne5	32			52		
13	de	Be7	33			53		
14	Be3	Bc7	34			54		
15	Rac1	Rf8	35			55		
16	Sf4	Rb8	36			56		
17	Rfd1	c5	37			57		
18	Rd8	2d8	38			58		
19	Qc2	Bg2	39			59		
20	Kg2	Rb7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) You Shengrui			SIGNATURE (BLACK) Zhong Dexi			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group U12

Round 8

Board 39

WHITE You Shengrui			FED CHN			RESULT (W) 0		
BLACK Zhong Dexi			FED CHN			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f4	Rd2	41		
2	c4	c6	22	fde	fe	42		
3	b3g3	Ng6	23	ae4	Bg5	43		
4	Bg2	o6	24	Bxg5	Qxg5	44		
5	Nf3	Bd6	25	Rf1	Rd2	45		
6	O-O	O-O	26	Kh1	h6	46		
7	Nc3	Nbd7	27	Rd1	Rxb2	47		
8	Qc2	b6	28	Qc3	Qf5	48		
9	e4	de	29	g4	Qd6	49		
10	Nd4	Nxd4	30	a3	Kh7	50		
11	Qxd4	Bb7	31	g5	Qc2	51		
12	Ne5	Nd45	32			52		
13	des	Be7	33			53		
14	Bd3	Qc7	34			54		
15	Rac1	Rfd8	35			55		
16	f4	Rab8	36			56		
17	Rfd1	c5	37			57		
18	Rxd8	Qd8	38			58		
19	Qc2	Bxg2	39			59		
20	Kg2	Rb7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) You Shengrui			SIGNATURE (BLACK) Zhong Dexi			SIGNATURE (ARBITER)		



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.23

Group

012

Round

8

Board

40

WHITE Zhong Haimen					FED CHN		RESULT (W) 1				
BLACK Rayson Rahman					FED PAK		RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Nf6	21	Kf4	Kf4	41					
2	Nf3	g5	22	Kf4	g5	42					
3	c4	Bg7	23	Bg5		43					
4	Nc3	d4 d5	24	g5	g5	44					
5	cxd5	Nxd5	25	Nxd5	Nxd5	45					
6	e4	Nxc3	26	Kf4	Kf4	46					
7	bxc3	c5	27	Kf4	c5	47					
8	Bg3	Nc6	28	d4	f5	48					
9	a3	Qa5	29	Qd6	Kd6	49					
10	e4	Qd4	30	Qd4	f4	50					
11	Qd4	Qd4	31	Qd4	Qd4	51					
12	Kd2	g4	32	g4	g4	52					
13	d5	Rd5	33	f4	g4	53					
14	f4	Nf5	34	g5	g5	54					
15	Nf5	Qf5	35	g5	Kf4	55					
16	Bd4	Rd6	36	g4	g4	56					
17		Qd4	37	g4	g4	57					
18	g4	Nf4	38	g4	Kf4	58					
19	Nf4	Rf4	39	g4	g4	59					
20	g4	A f4	40	g4	g4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zhong Haimen				Rayson Rahman							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.23

Group

012

Round

8

Board

40

WHITE Zhang Maomen					FED PAK		RESULT (W)		1	
BLACK Raycan Rehman					FED CHN		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Ke2	Kd7	41	b6	Kd7		
2	Nf3	g6	22	e5	Bb8	42	b7	Kc7		
3	c4	Bg7	23	Rc1	Rc8	43	f7			
4	Nc3	d5	24	Rc8	Kc8	44				
5	cd	Nd5	25	Kd3	Kd7	45				
6	e4	Nc3	26	Kc4	e6	46				
7	bc	c5	27	d6	f5	47				
8	Be3	Nc6	28	ef	Kd6	48				
9	Qd2	Qa5	29	Bd4	Kd7	49				
10	Rc1	cd	30	Be5	Bd6	50				
11	cd	Qd2	31	Bd6	± Kd6	51				
12	Kd2	Bg4	32	g4	g3	52				
13	d5	Rd8	33	g5	b5	53				
14	Ke1	Ne5	34	Kd4	g4	54				
15	Ne5	Be5	35	g3	b4	55				
16	f4	Bd6	36	g4	g3	56				
17	Bb5	Bd7	37	Kc3	Kd7	57				
18	Bd7	Rd7	38	Kb3	Kc8	58				
19	± Rc8	Rd8	39	Kc3	Kf7	59				
20	Rd8	Kd8	40	b5	Kc8	60				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)				
Zhang Maomen			Raycan Rehman							



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE: Sethika Dinsitha				FED: Sri Lanka				RESULT (W): 1			
BLACK:				FED:				RESULT (B): 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	bxc3	Nc1	41	Re1	Kc1			
2	e3	d5	22	Qd4	Qf8	42	Rd1	Kcc			
3	Bd3	Bg	23	Bf6	Rb9	43	d8	f4			
4	Nd2	c5	24	Qc5	Rb2	44	Rc1	Klb			
5	c3	nc6	25	Rc1	Rb2	45	Rb4	Kag			
6	f4	Be1	26	Rc1	Rb2	46	Rb4	Kag			
7	nt5	nd1	27	Rc1	Rb2	47	Rb4	Kag			
8	o-o	Nf5	28	Rc1	Rb2	48	Rb4	Kag			
9	nes	ferndes	29	Rc1	Rb2	49	Rb4	Kag			
10	h5	rd-o-o	30	Rc1	Rb2	50	Rb4	Kag			
11	ef3	Bh1	31	Rc1	Rb2	51	Rb4	Kag			
12	Rh3	Rg6	32	Rc1	Rb2	52	Rb4	Kag			
13	Qb3	C4	33	Rc1	Rb2	53	Rb4	Kag			
14	Qc2	b5	34	Rc1	Rb2	54	Rb4	Kag			
15	Qf	Rg7	35	d5	or	55					
16	Rg7	Rh1	36	B5	B8	56					
17	Q4	Qc9	37	d6	Kf6	57					
18	Nf3	b4	38	dn	Bd1	58					
19	Ng5	Bg5	39	ed1	ke1	59					
20	Bg5	bxc3	40	Rd1	Kg	60					
SIGNATURE (WHITE):				SIGNATURE (BLACK):				SIGNATURE (ARBITER):			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE: Masakorala, Sethika Dinsitha				FED: SPI				RESULT (W): 1			
BLACK: Dai R-peny				FED: CHN				RESULT (B): 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qb3	Qf8	41	Qb3	Qf8			
2	e3	d5	22	Qb3	Rb8	42	Qb3	Rb8			
3	Bd3	Bg	23	Qb3	Rb8	43	Qb3	Rb8			
4	Nd2	c5	24	Qb3	Rb8	44	Qb3	Rb8			
5	c3	nc6	25	Qb3	Rb8	45	Qb3	Rb8			
6	f4	Be1	26	Qb3	Rb8	46	Qb3	Rb8			
7	nt5	nd1	27	Qb3	Rb8	47	Qb3	Rb8			
8	o-o	Nf5	28	Qb3	Rb8	48	Qb3	Rb8			
9	nes	ferndes	29	Qb3	Rb8	49	Qb3	Rb8			
10	h5	rd-o-o	30	Qb3	Rb8	50	Qb3	Rb8			
11	ef3	Bh1	31	Qb3	Rb8	51	Qb3	Rb8			
12	Rh3	Rg6	32	Qb3	Rb8	52	Qb3	Rb8			
13	Qb3	C4	33	Qb3	Rb8	53	Qb3	Rb8			
14	Qc2	b5	34	Qb3	Rb8	54	Qb3	Rb8			
15	Qf	Rg7	35	Qb3	Rb8	55	Qb3	Rb8			
16	Rg7	Rh1	36	Qb3	Rb8	56	Qb3	Rb8			
17	Q4	Qc9	37	Qb3	Rb8	57	Qb3	Rb8			
18	Nf3	b4	38	Qb3	Rb8	58	Qb3	Rb8			
19	Ng5	Bg5	39	Qb3	Rb8	59	Qb3	Rb8			
20	Bg5	bxc3	40	Qb3	Rb8	60	Qb3	Rb8			
SIGNATURE (WHITE):				SIGNATURE (BLACK):				SIGNATURE (ARBITER):			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7

Group B12
Round 8
Board 42

WHITE Gu Junchen				FED				RESULT (W) 1			
BLACK Zhou Ruihao				FED				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	fe	Bes	41	Kb6	Kb6			
2	Nf3	d6	22	Nf3	Qd6	42	Ka7	Ka5			
3	d4	c4	23	Ne5	Qe5	43	Kb6	ah8			
4	Kd4	Nf6	24	Ne4	Qb2	44	Ka5	Qc7			
5	Nf3	a6	25	Kc2	Qa3	45	Ka4	Qb6			
6	Bc2	e5	26	Qg4	Re6	46	Qc6	dc			
7	Kb3	Bc6	27	Bc6	bc	47	Rh2	Lf3			
8	Be3	Bc1	28	hc	f4	48	Nf4	e7			
9	O-o	oo	29	Qe1	Qa4	49	Kc3	Qe			
10	Nd5	Ld5	30	Qc3	Rb8	50	Kg2	Kc4			
11	e2	Bf5	31	Rg6	Kb1	51	Qa5	Qa5			
12	Kd3	Bg6	32	Kg2	Qd7	52	Qa6	Kc2			
13	Bg6	hg	33	f3	Lf2	53	Ka3	Ka2			
14	g3	Nd7	34	*	Rh1	54	Qa5	Kb3			
15	Kd2	Bd5	35	Kd5	Qc7	55	Qa2				
16	f5	fs	36	Qh7	Kf8	56					
17	f5	g5	37	Lc7	Re5	57					
18	L4	Nf6	38	Ld7	Nd5	58					
19	Rc1	Nc5	39	Qf6	Kd6	59					
20	Bc5	dc	40	Lc7	Nc5	60					
SIGNATURE (WHITE) Gu Junchen				SIGNATURE (BLACK) Zhou Ruihao				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 8
Board 42

WHITE Gu Junchen				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Zhou Ruihao				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	fe	Bes	41	Rd8	Kc7			
2	Nf3	d6	22	Nf3	Qd6	42	Rc8	Kb7			
3	d4	c4	23	Nc5	Qe5	43	Rb8	Ka7			
4	Nd4	Nf6	24	Re1	Qb2	44	Ra8	Kb6			
5	Nc3	a6	25	Rc2	Qa3	45	Qb8	Ka5			
6	Be2	e5	26	Qd1	Qa5	46	Qc7	Ka4			
7	Nb3	Bc6	27	Re6	bc	47	Qc6	Qc6			
8	Bc3	Be7	28	bc	f4	48	dc	Rh7			
9	O-o	oo	29	Qe1	Qa4	49	Kf3	Rc2			
10	Nd5	Nd5	30	Qc3	Rab8	50	c7	Rc3			
11	e2	Bf5	31	Rg6	Rb1	51	Kg2	Rc4			
12	Bd3	Bg6	32	Kg2	Qd7	52	C8Q	a5			
13	Bg6	hg	33	Rg5	f3	53	Qab	Rc2			
14	g3	Nd7	34	Kf2	Rh1	54	Kh3	Ra2			
15	Nd2	b5	35	Rh5	Re8	55	Qa5	Kb3			
16	b3	f5	36	Qd3	Qf7	56	Qa2				
17	f4	g5	37	Qh7	Kf8	57					
18	c4	Bf6	38	Qh8	Kc7	58					
19	Rc1	Nc5	39	Re5	Kd7	59					
20	Bc5	dc	40	Re8	Qf6	60					
SIGNATURE (WHITE) Gu Junchen				SIGNATURE (BLACK) Zhou Ruihao				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 230726

Group B2

Round 8

Board 43

WHITE Kalibichenko					FED RUS		RESULT (W) 1	
BLACK Agrim					FED NEP		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Kf6	21	fM4	fL3	41		
2	KL3	e6	22	fL4	M6	42		
3	Cf4	OL6	23	Lx21	CL5	43		
4	Kf3	d5	24	Le3	CL3	44		
5	EL3	C5	25	CL	Kd2	45		
6	CL2	CL7	26	Lh3	L5	46		
7	KL5	KL6	27	M4	M5	47		
8	Kd2	CL7	28	Lh7	Lh8	48		
9	M4	CL	29	Kh6	f5	49		
10	CL	CL4	30	EL	Lf7	50		
11	L3	LCL8	31	KM6	Lh8	51		
12	O-O	O-O	32	KM7	KL7 Lh7	52		
13	CM5	CL7	33	KM	KL7 Lh7	53		
14	L4	KOL4	34	Lf8	KE7	54		
15	CL3	KL6	35	KM2	KE2	55		
16	f4	KE5	36	Lf2	KM4	56		
17	KE	KM4	37	Lh2		57		
18	Kf4	CM5	38			58		
19	Lh4	Kb6	39			59		
20	Kh2	Kb2	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12

Round 2

Board 43

WHITE German Yu Kalinichenko					FED RUS		RESULT (W) 1	
BLACK Agrim Agrim					FED NEP		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qxg4	Qxf3	41		
2	Nc3	e6	22	Qh4	g6	42		
3	Kd4	a6	23	Ra6	Qb6	43		
4	Nf3	d5	24	Rd2	Qxh6	44		
5	e3	c5	25	Cf2	Qd2	45		
6	Be2	Be7	26	Rh3	h5	46		
7	Nc5	Nc6	27	gxh6	g5	47		
8	Qd2	Bd7	28	h7+	Kh8	48		
9	g4	cxh4	29	Qh6	f5	49		
10	cxh4	Qb4	30	Qxf6	Rf3	50		
11	L3	Rc8	31	Qg6	Re8	51		
12	O-O	O-O	32	Qg7	Rg7	52		
13	Bg5	Bc2	33	fxg7	hxg7	53		
14	h4	Nxd4	34	Rxf8		54		
15	Qd3	Nc6	35			55		
16	f4	Nxg5	36			56		
17	f5	Nxg4	37			57		
18	Qf4	Qxg5	38			58		
19	hxg5	Qb6	39			59		
20	Kh1	Qf6	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		



Board

Board

WHITE Cao Sheng				FED CHN		RESULT (W) 4/4	
BLACK				FED		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE BLACK
1	d4	f5	21	- b5	e6	41	
2	Nc3	Nf6	22	e5	0-0	42	
3	Bd1	e6	23	Rf1	1-0	43	
4	e4	fd	24	Kf1	Rf5	44	
5	Ne4	Be7	25	KO	Rf6	45	
6	Bf6	Bth	26	Qf2	1-0	46	
7	Nf6	Qf6	27	Qf7	1-0	47	
8	Nf3	0-0	28	Qb6	Rf6	48	
9	Rb3	Nc1	29	Qd5	Rf6	49	
10	0-0	Kf5	30	Pf3	e6	50	
11	c3	b6	31	- Bg1	Bc4	51	
12	Qc2	h6	32	D3	Pf5	52	
13	Bd4	Bb7	33	Qf1	Bc6	53	
14	Qe5	f4	34	1-0	Rb7	54	
15	d5	Bd3	35	c4	Rf8	55	
16	Bd3	Nc1	36	Qb6	Rf8	56	
17	fe	Qe7	37	1-0	Qr2	57	
18	Qa2	Rf8	38	at	Qb6	58	
19	Bc7	g5	39	1-0		59	
20	Qh5	Qd7	40			60	
SIGNATURE (WHITE) u. A				SIGNATURE (BLACK) Cao Sheng		SIGNATURE (ARBITER) W. C.	

Board
44

Board	6 6
-------	-----

WHITE			BLACK			FED		RESULT (W)	
WHITE			BLACK			FED		RESULT (B)	
1	dh	r5	21	n+6	n+6	41			
2	kc3	h+6	22	ex	p+6	42			
3	gs5	c6	23	n+1	p+1	43			
4	ex	c+6	24	p+1	n+3	44			
5	h+6	c+6	25	p+1	n+6	45			
6	c+6	c+6	26	p+1	p+1	46			
7	h+6	p+6	27	p+6	n+7	47			
8	h+3	o-o	28	p+6	n+6	48			
9	cd3	kc6	29	p+5	c+6	49			
10	o-o	p+8	30	c+5	c6	50			
11	c3	b6	31	g4	c+4	51			
12	p+2	h6	32	b3	cb5	52			
13	c+4	cb4	33	cu	c+6	53			
14	h+5	n+6	34	p+2	cb4	54			
15	h4	d6	35	cu	c+8	55			
16	cd3	k+5	36	p+1	n+3	56			
17	t+6	p+6	37	p+2	p+6	57			
18	p+2	n+8	38	p+2	n5	58			
19	cc2	gs5	39	p+6	p+2	59			
20	p+5	p+2	40	p+6		60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
A			A			A			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.23

Round: 45

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Xu Tongyi		Li Chaolin		CHN		CHN		0.5		0.5	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf4	ef	41			41		
2	Bf4	eb	22	Re1	ab	42			42		
3	Nf3	cs	23	Nf4	Bc4	43			43		
4	e3	Ncb	24	Qf3	Nd4	44			44		
5	c3	Be7	25	Qe4	Bb3	45			45		
6	Nd2	0-0	26	Qd3	Rb2	46			46		
7	Nc4	cd	27	Qc4	Qd2	47			47		
8	exd4	db	28	Nh3	Re2	48			48		
9	Bb3	b5	29	Qa3	Ne2	49			49		
10	Ne3	Rb2	30	Kh2	Nc1	50			50		
11	0-0	ba	31	Re7	Qd4	51			51		
12	Nb5	h6	32	Rb1	Ra2	52			52		
13	Ne4	es	33	Qb7	Ne2	53			53		
14	Nf6	Bf6	34	Rf7	Qd6	54			54		
15	de	de	35	g3	Qg6	55			55		
16	Bg3	bc	36	Rc7	Ra2	56			56		
17	bc	Qa5	37	h5	Qd4	57			57		
18	Nb5	Bg3	38	Rb4	Nd4	58			58		
19	h4	Rd8	39	Qa7	Nf3	59			59		
20	cl	Bf4	40			60			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xu Tongyi				Li Chaolin				Ling			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.23

Round: 45

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Xu Tongyi		Li Chaolin		CHN		CHN		0.5		0.5	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf4	es	41			41		
2	Bf4	eb	22	Re1	Bb6	42			42		
3	Nf3	c5	23	Nf4	Bc4	43			43		
4	e3	Ncb	24	Qf3	Nd4	44			44		
5	c3	Be7	25	Qe4	Bd3	45			45		
6	Nd2	0-0	26	Qd3	Rb2	46			46		
7	Nc4	cd	27	Qc4	Qd2	47			47		
8	ed	db	28	Nh3	Re2	48			48		
9	Bd3	b5	29	Qa6	Ne2	49			49		
10	Ne3	Rb2	30	Kh2	Nc1	50			50		
11	0-0	ba	31	Re7	Qd4	51			51		
12	Nb5	h6	32	Rb1	Ra2	52			52		
13	Ne4	es	33	Qb7	Ne2	53			53		
14	Nf6	Bf6	34	Rf7	Qd6	54			54		
15	de	de	35	g3	Qg6	55			55		
16	Bg3	bc	36	Rc7	Ra2	56			56		
17	bc	Qa5	37	h5	Qd4	57			57		
18	Nb5	Bg3	38	Rb4	Nd4	58			58		
19	h4	Rd8	39	Qa7	Nf3	59			59		
20	c4	Bf4	40			60			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xu Tongyi				Li Chaolin				Ling			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group B/2
Round 8
Board 46

WHITE Tang, Zeqin				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Lan Lueming				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Bg3	Rf1	41	Qh4	Kg2			
2	g3	g6	22	Rf1	Rf1	42	Qh5	g3			
3	Bg2	Bg7	23	Kf1	Qf7+	43	Kf4	Kf2			
4	O-O	e5	24	Kg2	Qa2	44	Qh4	Ke2			
5	d3	Ne7	25	b3	Qa3	45	Qg3+	Ke2			
6	Nc3	O-O	26	Qe6+	Kh8	46	Qd3+	Kf2			
7	e4	d4	27	Qe8+	Qf8	47	Qd2+	Kg1			
8	Ne2	b6	28	Qf8	Bf8	48	Kg3	a4			
9	Ne1	Bb7	29	Bc7	Bg7	49	Qg2#				
10	f4	f5	30	Kf3	Kg8	50					
11	ef	Bg2	31	Kd4	Kf7	51					
12	Ng2	Nf5	32	Be5	Bf6	52					
13	g4	Nh4	33	Bf6	Kf6	53					
14	Ng3	Nb2	34	Ke5	Kg5	54					
15	Kg2	ef	35	Rd5	Kg4	55					
16	Bd4	Nd7	36	d4	Kh3	56					
17	Nd4	Nf6	37	d5	Kh2	57					
18	Nf6	Rf6	38	d6	h5	58					
19	Qe2	ad7	39	d7	g5	59					
20	Ra1	Ra8	40	g4	g4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Lan Lueming				Lan Lueming				Lan Lueming			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.23

Group B/2
Round 8
Board 46

WHITE Tang, Zeqin				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Lan, Jueming				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	Bg3	Rf1	41	Qh4	Kg2			
2	g3	g6	22	Rf1	Rf1	42	Qh5	g3			
3	Bg2	Bg7	23	Kf1	Qf7	43	Kf4	Kf2			
4	O-O	e5	24	Kg2	Qa2	44	Qh4	a5			
5	d3	Ne7	25	b3	Qa3	45	Qg3	Ke2			
6	Nc3	O-O	26	Qe6	Kh8	46	Qd3	Kf2			
7	e4	d4	27	Qe8	Qf8	47	Qd2	Kg1			
8	Ne2	b6	28	Qf8	Bf8	48	Kg3	a4			
9	Nb1	Bb7	29	Bc7	Bg7	49	Qg2				
10	f4	f5	30	Kf3	Kg8	50					
11	ef	Bg2	31	Kd4	Kf7	51					
12	Ng2	Nf5	32	Be5	Bf6	52					
13	g4	Nh4	33	Bf6	Kf6	53					
14	Ng3	Nb2	34	Ke5	Kg5	54					
15	Kg2	ef	35	Rd5	Kg4	55					
16	Bd4	Nd7	36	d4	Kh3	56					
17	Nd4	Nf6	37	d5	Kh2	57					
18	Nf6	Rf6	38	d6	h5	58					
19	Qe2	ad7	39	d7	g5	59					
20	Ra1	Ra8	40	g4	g4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Tang, Zeqin				Lan Lueming				Lan Lueming			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12.15

26th Asian Youth Chess Championships 2026										Round 8							
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										Round 8							
    										Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
Hao Siyong					He Shangyi					Date		2026.7.28		Round		47	
WHITE					BLACK					Date		2026.7.28		Round		47	
H																	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group D/2

Round 8

Date 2026.7.23 Board 47

WHITE Hao Siyong				BLACK				TOTAL 100 /							
BLACK Ho Xiangyong				WHITE				TOTAL 100 0							
Ho Xiangyong				WHITE				BLACK							
N	WHITE	BLACK	N	WHITE	BLACK	N	WHITE	BLACK	N	WHITE	BLACK				
1	Kd2	Rh1	21	Rd3	Rg2	41									
2	Kd3	Dh3	22	Rd6	Kb7	42									
3	Kc2	Rh1	23	Rg6	Rh1	43									
4	Rd2	Kd6	24	Qd4	Kc7	44									
5	Rd6	Kc5	25	Kd4	Rh4	45									
6	Rd5	Kd6	26	Dd4	Rh2	46									
7	Kd3	Rh1	27	Kc5	Rh5 Rh5	47									
8	Kc2	Rh1	28	Rd5	Rh4	48									
9	Rd5	Kc7	29	Q5	R5	49									
10	Qd4	Rh4	30	b5	R5	50									
11	Nd3	Kd6	31	b6		51									
12	Rd5	Kd6	32			52									
13	Rh4 Rh5	Rh6	33			53									
14	Rd4	Rg3	34			54									
15	Bd7	Rg2	35			55									
16	Rd5	Kc7	36			56									
17	Bd7	Rd2	37			57									
18	Kc3	Rh2	38			58									
19	Rd5 Rh5	Rh2 Rh3	39			59									
20	Kd3 Rh3	Kc6	40			60									
SIGNATURE WHITE				SIGNATURE BLACK				SIGNATURE WHITE				SIGNATURE BLACK			
Hao Siyong				何尚毅				Hao Siyong				何尚毅			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

12.15

26th Asian Youth Chess Championships 2026										Group B.2 Round D Board 4																																																																																																																																																																																																																																																													
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛										Date 2026.7.13 47																																																																																																																																																																																																																																																													
WHITE 郝思宇										FED China		RESULT 0																																																																																																																																																																																																																																																											
BLACK 何尚毅										FED China		RESULT 0																																																																																																																																																																																																																																																											
<table><thead><tr><th colspan="2">WHITE</th><th colspan="2">BLACK</th><th colspan="2">WHITE</th><th colspan="2">BLACK</th><th colspan="2">WHITE</th><th colspan="2">BLACK</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Rf2</td><td>Rh1</td><td>21</td><td>Rd6</td><td>Rb6</td><td>41</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Kd3</td><td>Rh3</td><td>22</td><td>Rd6</td><td>Kb7</td><td>42</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Kd2</td><td>Rh1</td><td>23</td><td>Rd6</td><td>Rb6</td><td>43</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Rd2</td><td>Kd6</td><td>24</td><td>Qd4</td><td>Rh7</td><td>44</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Rd6</td><td>Kc5</td><td>25</td><td>Kd4</td><td>Rh4</td><td>45</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Rd5</td><td>Kb6</td><td>26</td><td>Pd4</td><td>Rh2</td><td>46</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>7</td><td>Kd3</td><td>Rd4</td><td>27</td><td>Kc5</td><td>Rh5</td><td>47</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>Kc2</td><td>Rh1</td><td>28</td><td>Rd4</td><td>Rh4</td><td>48</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>9</td><td>Rd6</td><td>Kc7</td><td>29</td><td>Qd5</td><td>Rh5</td><td>49</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>10</td><td>b4</td><td>Rh4</td><td>30</td><td>h5</td><td>Rh1</td><td>50</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>11</td><td>Kd3</td><td>Kc6</td><td>31</td><td>b6</td><td>1-0</td><td>51</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>12</td><td>Rd5</td><td>Kb6</td><td>32</td><td></td><td></td><td>52</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>13</td><td>Rd5</td><td>Rh4</td><td>33</td><td></td><td></td><td>53</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>14</td><td>Kd4</td><td>Rb6</td><td>34</td><td></td><td></td><td>54</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>15</td><td>Rd3</td><td>Kd2</td><td>35</td><td></td><td></td><td>55</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>16</td><td>Rd5</td><td>Kc7</td><td>36</td><td></td><td></td><td>56</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>17</td><td>Bc4</td><td>Rb2</td><td>37</td><td></td><td></td><td>57</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>18</td><td>Rd3</td><td>Rh2</td><td>38</td><td></td><td></td><td>58</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>19</td><td>Rd5</td><td>Rh4</td><td>39</td><td></td><td></td><td>59</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>20</td><td>Rd3</td><td>Kc6</td><td>40</td><td></td><td></td><td>60</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></tbody></table>												WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		1	Rf2	Rh1	21	Rd6	Rb6	41						2	Kd3	Rh3	22	Rd6	Kb7	42						3	Kd2	Rh1	23	Rd6	Rb6	43						4	Rd2	Kd6	24	Qd4	Rh7	44						5	Rd6	Kc5	25	Kd4	Rh4	45						6	Rd5	Kb6	26	Pd4	Rh2	46						7	Kd3	Rd4	27	Kc5	Rh5	47						8	Kc2	Rh1	28	Rd4	Rh4	48						9	Rd6	Kc7	29	Qd5	Rh5	49						10	b4	Rh4	30	h5	Rh1	50						11	Kd3	Kc6	31	b6	1-0	51						12	Rd5	Kb6	32			52						13	Rd5	Rh4	33			53						14	Kd4	Rb6	34			54						15	Rd3	Kd2	35			55						16	Rd5	Kc7	36			56						17	Bc4	Rb2	37			57						18	Rd3	Rh2	38			58						19	Rd5	Rh4	39			59						20	Rd3	Kc6	40			60					
WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK																																																																																																																																																																																																																																																													
1	Rf2	Rh1	21	Rd6	Rb6	41																																																																																																																																																																																																																																																																	
2	Kd3	Rh3	22	Rd6	Kb7	42																																																																																																																																																																																																																																																																	
3	Kd2	Rh1	23	Rd6	Rb6	43																																																																																																																																																																																																																																																																	
4	Rd2	Kd6	24	Qd4	Rh7	44																																																																																																																																																																																																																																																																	
5	Rd6	Kc5	25	Kd4	Rh4	45																																																																																																																																																																																																																																																																	
6	Rd5	Kb6	26	Pd4	Rh2	46																																																																																																																																																																																																																																																																	
7	Kd3	Rd4	27	Kc5	Rh5	47																																																																																																																																																																																																																																																																	
8	Kc2	Rh1	28	Rd4	Rh4	48																																																																																																																																																																																																																																																																	
9	Rd6	Kc7	29	Qd5	Rh5	49																																																																																																																																																																																																																																																																	
10	b4	Rh4	30	h5	Rh1	50																																																																																																																																																																																																																																																																	
11	Kd3	Kc6	31	b6	1-0	51																																																																																																																																																																																																																																																																	
12	Rd5	Kb6	32			52																																																																																																																																																																																																																																																																	
13	Rd5	Rh4	33			53																																																																																																																																																																																																																																																																	
14	Kd4	Rb6	34			54																																																																																																																																																																																																																																																																	
15	Rd3	Kd2	35			55																																																																																																																																																																																																																																																																	
16	Rd5	Kc7	36			56																																																																																																																																																																																																																																																																	
17	Bc4	Rb2	37			57																																																																																																																																																																																																																																																																	
18	Rd3	Rh2	38			58																																																																																																																																																																																																																																																																	
19	Rd5	Rh4	39			59																																																																																																																																																																																																																																																																	
20	Rd3	Kc6	40			60																																																																																																																																																																																																																																																																	
SIGNATURE WHITE Hao Siyong				SIGNATURE BLACK 何尚毅				SIGNATURE WHITE Hao Siyong																																																																																																																																																																																																																																																															

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group D/2

Round 8

Date 2026.7.23 Board 47

WHITE			BLACK			RESULT (1-0)			
NAME Hao Siyong			NAME Chen			RESULT (1-0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	g5	f5	41	Bf5	Rh5	
2	Nf3	Nc6	22	Q5	Qc7	42	De4	h5	
3	d4	ed	23	Q6	Qc7	43	Bb5	Bg5 Rh4	
4	Nd4	g6	24	Kh1	Qc2	44	Bg4	Rh4	
5	Nc3	Bg7	25	Rh4	Qa7	45	Rh5	e4	
6	Bc3	Nf6	26	ed	Qd7	46	Rf5	Rh5	
7	f3	o-o	27	Rf4	Qe7	47	Rh5	Qf	
8	Be4	Rc8	28	Qxf4	Qh1	48	Rf1	Rf4	
9	Qd2	Nh4	29	Qh4	Q5	49	Bd3	a5	
10	Rd4	de	30	Qh5	Qh4d5	50	Kb1	Kg1	
11	o-o-o	g6	31	Qh6	Kh2	51	Kc2	Kh6	
12	Bb3	Qa5	32	Rh1	Qg7	52	Kd2	h4	
13	Kb1	Bd7	33	Qh4	Rc2	53	Kd1	Kg5	
14	g4	h5	34	Rh1	g4d2	54	Kf2	Rf8	
15	h4	h4	35	g6	Rd7	55	Qc4	Rf4	
16	Nd5	Nh4	36	Be6	Rd7	56	Bf3	Rd6	
17	Bg7	Qd7	37	Qh1	Rd4	57	b3	Q4	
18	Bc5	Rc4	38	Qh6	Qa6	58	Bd6	a3	
19	N5	Rd6	39	Rd6	Rh7	59	Kc2	Rc5	
20	Qf4	f6	40	Rg6	Rh2	60	Bc4	Rd4	
SIGNATURE WHITE			SIGNATURE BLACK			SIGNATURE WHITE		SIGNATURE BLACK	
Hao Siyong			何尚毅			Hao Siyong		何尚毅	



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

07.03.2026

Group

B12

Round

8

Board

48

WHITE Fan Zeyan				FED CHN	RESULT (W)	0			
BLACK Ismailov Omarbek				FED TKM	RESULT (B)	1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Rxa8	Rxa8	41			
2	Bd4	Nf6	22	Wf3	Ra7+	42			
3	e3	Bf5	23	gxd2	Wxh4	43			
4	Nf3	c5	24			44			
5	c3	Nb6	25			45			
6	Wd2	Qb6	26			46			
7	Qb3	h4	27			47			
8	axb6	ab	28			48			
9	d3	e6	29			49			
10	Rc1	B5	30			50			
11	h3	g5	31			51			
12	WR5	Nxh5	32			52			
13	Bxe5	Wd4	33			53			
14	Qa2	Wb6	34			54			
15	Be2	Wd4	35			55			
16	B3	Bd7	36			56			
17	Rd1	Wf6	37			57			
18	Bf3	Bd3	38			58			
19	Q4	D-b	39			59			
20	Bxd4	Bb4	40			60			
SIGNATURE (WHITE) Fan Zeyan				SIGNATURE (BLACK) [Signature]		SIGNATURE (ARBITER) Long			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.23

Group

B12

Round

8

Board

48

WHITE Fan Zeyan				FED CHN	RESULT (W)	0			
BLACK Ismailov Omarbek				FED CHN	RESULT (B)	1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	Rxa8	Rxa8	41			
2	Bf4	Nf6	22	Nf3	Ra7+	42			
3	e3	Bf5	23	kd2	Ne4#	43			
4	Nf3	c5	24			44			
5	c3	Nc6	25			45			
6	Nbd2	Qb6	26			46			
7	Qb3	c4	27			47			
8	Qxb6	ab	28			48			
9	a3	e6	29			49			
10	Rc1	b5	30			50			
11	h3	h5	31			51			
12	Ne5	Nxe5	32			52			
13	Bxe5	Nd7	33			53			
14	Bh2	Nb6	34			54			
15	Be2	Na4	35			55			
16	b3	Bxa3	36			56			
17	Ra1	Nxc3	37			57			
18	Bf3	Bd3	38			58			
19	b4	O-O	39			59			
20	Bxh5	Bxb4	40			60			
SIGNATURE (WHITE) Fan Zeyan				SIGNATURE (BLACK) [Signature]		SIGNATURE (ARBITER) Long			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1234

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	Nf6	g6	21	ad3	Rd8	41	Nb1	Bc6		
2	Nf3	g6	g1	22	off	Qnd6	42	Nc3	Bd7		
3	Bf4	Bg7	a1	23	Rnd	Rd8	43	Nc2	Kd6		
4	02	d6	g0	24	Nc5	h7	44	Nc1	Ker		
5	B02	g0	00	25	Nc6	Kd3	45	Nd7	Kd6		
6	Nd2	Nd7	70	26	Nc7	Lg2	46	Nc6	Bc6		
7	g6	05	75	27	Nd8	Bd1	47	Nd7	Kd7		
8	dxc5	dxc5	25	28	N7	Nf6	48	03	05		
9	Bg3	b6	66	29	Rd2	Nf7	49	Rd3	Nc2		
10	0-0	Bb7	64	30	Rd1	Bc6	50	Rd2	Nd4		
11	0-2	f5	54	31	Bt5	Bd4	51	Rd2	Lf3		
12	Bd4	Bf6	4	32	b3	ab4	52	b4	any		
13	Bc4	Kg7	46	33	c4	Bc6	53	axg4	M7		
14	Bxc6	Qxc6	48	34	Bc6	Nc6	54	b5	Bd7		
15	Rc1	x5	53	35	Rd4	Kf6	55	Nd8	Kd7		
16	04	ff	73	36	Rd6	Rd6	56	Rd8	Kd7		
17	11	75	10	37	Rd6	Kd6	57	Rd7	Kd6		
18	Nd4	h5	20	38	Nc1	Nd4	58	Rd7	Kd6		
19	Nd7	Rh5	20	39	Nc1	h4	59	Rd7	Kd6		
20	Rd1	0-0	20	40	Nd7	Dd6	60	Rd7	Kd6		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1234

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	Nf6	21	ad2	Rd8	41	Nb1	Bc6			
2	Nf3	36	22	ad6	Rd6	42	Nc3	Bd7			
3	Bf4	Bg7	23	Rd6	Rd8	43	Nc2	Kd6			
4	03	d6	24	Nc5	Rd7	44	Nc1	Ker			
5	Bc2	0-0	25	Nc6	ah7	45	Nd7	Kd6			
6	Nd2	Nd7	26	Nc7	Kd7	46	Nc6	Bc6			
7	c3	05	27	Nd8	Bd8	47	Nd7	Kd7			
8	de	de	28	f3	Nf6	48	03	05			
9	05	b6	29	Rd2	Nf7	49	Rd3	Nc2			
10	0-0	h7	30	Rd1	Bc6	50	Rd2	Nd4			
11	0c2	f5	31	Rd5	Bd4	51	Rd2	Lf3			
12	Bd4	Bf6	32	b3	Bb5	52	b4	ab			
13	Bc4	Kg7	33	c4	Bc6	53	ab	Kd7			
14	Bxc6	Qxc6	34	Bc6	Nc6	54	bc	bc			
15	Rc1	x5	35	Rd4	Kf6	55	Rd8	Kd7			
16	04	ff	36	Rd6	Rd6	56	Rd7	Kd6			
17	11	75	37	Rd6	Kd6	57	Rd7	Kd6			
18	Nd4	h5	38	Rd2	Nd4	58	Rd7	Kd6			
19	Nd7	Rh5	39	Rd1	h4	59	Rd7	Kd6			
20	Rd1	0-0	40	Nd7	Dd6	60	Rd7	Kd6			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1234

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Rg4	Bd8	21	Qd8	Kd6	41					
2	Rd4	Bd8	22	Qd2	Kc6	42					
3	Rd3	Kg5	23	Kd5	Nc6	43					
4	Kd8	Bc4	24	Qf3	Nc5	44					
5	Rd6	Nc6	25	Qd0	Nc6	45					
6	g3	Kg5	26	Kd6	Kd0	46					
7	Ker	Nc2	27	Kd6	Kd7	47					
8	Kd1	Kf4	28	Qf7	Kd6	48					
9	h4	Kd7	29	Rd2	Kd5	49					
10	h5	Kd7	30	Qd8	Nd4	50					
11	h6	Kd6	31	Kd8	Kd4	51					
12	h7	Bd7	32	Bd4	Kd5	52					
13	h8	Bd4	33	h8		53					
14	Bd5	Bd5	34			54					
15	Kd2	24	35			55					
16	Kd1	Kd5	36			56					
17	Kd2	Kd5	37			57					
18	Kd3	Kd5	38			58					
19	Kd3	Kd1	39			59					
20	Kd4	Nc7	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

1234

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Rd4	Bd5	21	Qd8	Kd6	41					
2	Rd4	Bd5	22	Qd7	Kc6	42					
3	Rd6	Kd5	23	Kd5	Nc6	43					
4	Rd8	Bc4	24	Qd7	Nc5	44					
5	Rd2	Nc6	25	Qd6	Nc6	45					
6	g3	Kg5	26	Kd6	Kd6	46					
7	Kd3	Bd2	27	Kd6	Kd7	47					
8	Rd6	Bd4	28	Rd7	Kd6	48					
9	h4	Kd7	29	af2	Kd5	49					
10	h5	Kd7	30	Qd3	Kd4	50					
11	h6	Kc6	31	Kd5	Kd4	51					
12	h7	Bd4	32	Qd9	Kd5	52					
13	h8	Bd4	33			53					
14	Qd5	Bd5	34			54					
15	h2	f5	35			55					
16	Kd7	Kc5	36			56					
17	Kd2	Kc6	37			57					
18	Qd8	Kc5	38			58					
19	Kd3	Kc6	39			59					
20	Kd6	Nc7	40			60					



CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	Nf6		21	ab	Kd6		41	Kg4	Q4	
2	Nf3	e6		22	a4	Rd8		42	Kh5	a3	
3	c4	d5		23	a5	Kd6		43	Ng6	a7	
4	NB3	Bb4		24	Rd1	Rd8		44	Rd1	g8	
5	Bg5	h6		25	Pa6	Ke7		45	Kh7	Ke7	
6	Bf6	Qf6		26	Ng2	C6		46	Rd2	g8	
7	Qd4	Nc6		27	f4	fe		47	Pf2	h5	
8	Nd5	O-O		28	Qd6	Rf5		48	Rd6	Rd8	
9	Nf6	Bf3		29	g3	g		49	Ng5	h4	
10	g5	Bd7		30	Rd4	Rd5		50	Ng4	h3	
11	cd	cd		31	Kf2	g		51	Ng3	h2	
12	e3	Bf6		32	g5	Pa5		52	Pa2	Pa2	
13	Bg5	Rc8		33	Kd3	Pa2		53	Pa2	d4	
14	Bf6	Qf6		34	f5	Rd6		54	Ng2	C5	
15	Qf6	g5		35	Ke3	Rd6		55	Kf2	C4	
16	O-O-O	Rg5		36	Rf4	Rd3		56	Ke2	C5	
17	Kf2	Pa3		37	C6	Kd6		57	Kd2	C6	
18	g1	Ke8		38	f3	Rd8		58	Kd3	C5	
19	Ng3	Ke7		39	e2	Q5		59	Kd2	Ke8	
20	Kd1	Rd6		40	Kf3	Ke6		60	Kd1	d3	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	d4	Nf6		21	Qb	Kd6		41	Kg4	Q4	
2	Nf3	e6		22	e4	Re8		42	Kh5	Q3	
3	c4	d5		23	e5	Ke6		43	Kg3	Q2	
4	Nc3	Bb5		24	Rd1	Rd8		44	Rd1	Rg8	
5	Bg5	h6		25	Rd6	Kd7		45	Kd2	Ke2	
6	Qf6	Qf6		26	Kb1	f6		46	Rd2	Re8	
7	Qd4	Nc6		27	f4	fe		47	Rf2	h5	
8	Nd5	O-O		28	ef	Rf8		48	Kh6	Rd8	
9	Nc6	Bc7		29	g3	g5		49	Kg5	h4	
10	bl	Bd7		30	Rd4	Rf5		50	Kg4	h3	
11	cd	ed		31	Kc2	gf		51	Kg3	h2	
12	e3	Bc6		32	gf	Rh5		52	Rh2	Rh2	
13	Bb5	Rf6		33	Kd3	Rh2		53	Kh2	d4	
14	Bc6	Qc6		34	f5	Rh3		54	Kg2	C5	
15	Qc6	bl		35	Ke2	Re3		55	Kf2	C4	
16	O-O-O	Rb4		36	Rf4	Rb3		56	Kd2	C5	
17	Kc2	Rf6		37	d3	Kd6		57	Kd2	C3	
18	Rb1	Kf8		38	f6	Rb8		58	Kd3	C5	
19	Rb3	Ke7		39	d7	Q5		59	Kc2	Ke8	
20	Re1	Rb3		40	Kc3	Ke6		60	Kc1	d3	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Kd1	C2		21				41			
2	Kc1	Kf7		22				42			
3	Kd2	Kf8		23				43			
4	Kd1	Kd7		24				44			
5	Kd2	Kf8		25				45			
6	Kf1	Kf7		26				46			
7	Kd2	C3		27				47			
8	Kc1	Ke8		28				48			
9	f7	Ke7		29				49			
10	f8-a	Kf8		30				50			
11				31				51			
12				32				52			
13				33				53			
14				34				54			
15				35				55			
16				36				56			
17				37				57			
18				38				58			
19				39				59			
20				40				60			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e2	Kd1	C2	21				41			
2	Kc1	Kf7		22				42			
3	Kd2	Ke8		23				43			
4	Kc1	Kd7		24				44			
5	Kd2	Kf8		25				45			
6	Kf1	Kf7		26				46			
7	Kd2	C3		27				47			
8	Kc1	Ke8		28				48			
9	f7	Ke7		29				49			
10				30				50			
11				31				51			
12				32				52			
13				33				53			
14				34				54			
15				35				55			
16				36				56			
17				37				57			
18				38				58			
19				39				59			
20				40				60			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.07

Group

B12

Round

8

Board

57

WHITE				FED		THA		RESULT (W)		1/2	
BLACK				FED		TKM		RESULT (B)		1/2	
Huang, M Chayan											
Hamrakuliev Omar											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	d5	21			41					
2	c4	e6	22			42					
3	Kc3	Lc7	23			43					
4	Kf3	Xf6	24			44					
5	ed	Kd5	25			45					
6	c4	Kf6	26			46					
7	Ld3	00	27			47					
8	00	05	28			48					
9	Lc2	Kc6	29			49					
10	Lc3	Kg4	30			50					
11	a3	Qc4	31			51					
12	h3	cd	32			52					
13	Ld4	Kd4	33			53					
14	hg	Kf2	34			54					
15	Qh2	Qc4	35			55					
16	Kh2	Ld6	36			56					
17	g3	Qh6	37			57					
18	Rad1	Cb8	38			58					
19	f4		39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23.7.26

Group

B12

Round

8

Board

51

WHITE Miles Chayun Hoang				FED THA		RESULT (W) 1/2		
BLACK Hamrakuliyev Omar				FED TKM		RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4(1:30.56)	d5	21			41		
2	c4(1:31.15)	e6	22			42		
3	Nc3(1:31.29)	Be7	23			43		
4	Nf3(1:30.56)	Nf6	24			44		
5	Cxd5(1:30.57)	Nxd5	25			45		
6	e4(1:29.56)	Nf6	26			46		
7	Bd3(1:27.28)	O-O	27			47		
8	O-O(1:27.49)	C5	28			48		
9	Bc2(1:24.01)	Nc6	29			49		
10	Be3(1:24.02)	Ng4	30			50		
11	a3(1:20.09)	Qc7	31			51		
12	h3(1:28.25)	Cxd4	32			52		
13	Bxd4(1:05.00)	Nxd4	33			53		
14	hxg4(1:03.38)	Nxc2	34			54		
15	Qxc2(1:03.59)	Qf4	35			55		
16	Nh2(1:03.11)	Bd6	36			56		
17	g3(1:03.23)	Qh6	37			57		
18	Rad1(57.28)	Bb8	38			58		
19	f4(55.57)		39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
						chen		



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7月23

Group
B12
Round
8
Board
42

WHITE				BLACK			
Zhang Juepeng				CHN			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				2			
1	e4	c5	21	Qxh7	f4	41	
2	Nc3	Ncb	22	Qe4	Bg5	42	
3	Ne2	Nf6	23	h4	Bh6	43	
4	g3	e5	24	Qxg3	f3	44	
5	d3	Qb6	25	Qxh6	Ke8	45	
6	Bg5	Ng7	26	Qe6	Kd8	46	
7	Nd4	Qd5	27	Bh3		47	
8	Ne4	d6	28			48	
9	h3	Nh6	29			49	
10	Qd2	Nd4	30			50	
11	Bd2	Be6	31			51	
12	Bxh6	Qxh6	32			52	
13	Nf6	Kc8	33			53	
14	Qxh6	Be6	34			54	
15	Qxh6	Nd5	35			55	
16	Qd5	Nxf3	36			56	
17	Qxf3	Qxf3	37			57	
18	Nd5	Exd5	38			58	
19	e5	f4	39			59	
20	Qg3	Rf8	40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Zhang Juepeng				Yang Jiajun			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B12
Round
8
Board
52

WHITE				BLACK			
Zhang Juepeng				CHN			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				0			
1	e4	c5	21	Qd7	Qd4	41	
2	Nc3	Nc6	22	Qd4	Bg5	42	
3	Ng2	Nb6	23	h4	Bh6	43	
4	g3	e5	24	Qg5	f3	44	
5	d3	Qb6	25	Qd6	Ke8	45	
6	Bg5	Ng7	26	Qd6	Kd8	46	
7	Nd4	Qd5	27	Bd7		47	
8	Ne4	d6	28			48	
9	h3	Nh6	29			49	
10	Qd2	Nd4	30			50	
11	Bd2	Be6	31			51	
12	Bxh6	Qxh6	32			52	
13	Nf6	Kc8	33			53	
14	Qxh6	Be6	34			54	
15	Qxh6	Nd5	35			55	
16	Qd5	Nxf3	36			56	
17	Qxf3	Qxf3	37			57	
18	Nd5	Exd5	38			58	
19	e5	f4	39			59	
20	Qg3	Rf8	40			60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
Zhang Juepeng				Yang Jiajun			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 8
Board 53
Date 2026.7.23

WHITE Li, Shang (GPD)				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Cheng, Youqi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd2	Qd7	41					
2	Nc3	eb	22	Qd1	f5	42					
3	Q3	d5	23	Bb1	Kf8	43					
4	Bd3	Rd6	24	Rd3	Bd5	44					
5	b3	0-0	25	Bc3	Bh6	45					
6	Bd2	cb	26	Kf2	Bg5	46					
7	0-0	Qc7	27	Re7	Qe7	47					
8	Nh2	Nh7	28	Bd2	Bd2	48					
9	c4	Re8	29	Qd2	Qh4	49					
10	Q4	de	30	Kf1	Qh2	50					
11	Ne4	Ne4	31	Bc2	f5	51					
12	Re4	e5	32	Rd1	h5	52					
13	Qc2	g6	33	Qc3	h4	53					
14	c5	Rf8	34	Rd2	Qh1	54					
15	Ne5	Bg7	35			55					
16	Nd7	Bd7	36			56					
17	Rfe1	Re7	37			57					
18	Re2	Rae8	38			58					
19	Rae1	Bg4	39			59					
20	f3	Be6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li Shang				SIGNATURE (BLACK) Cheng, Youqi				SIGNATURE (ARBITER) chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 8
Board 53
Date 2026.7.23

WHITE Li Shang				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Cheng, Youqi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd2	Qd7	41					
2	Nf3	eb	22	Qd1	f5	42					
3	e3	d5	23	Bb1	Kf8	43					
4	Bd3	Rd6	24	Rd3	Bd5	44					
5	b3	0-0	25	Bc3	Bh6	45					
6	Bd2	cb	26	Kf2	Bg5	46					
7	0-0	Qc7	27	Re7	Qe7	47					
8	Nbd2	Nh7	28	Bd2	Bd2	48					
9	c4	Re8	29	Qd2	Qh4	49					
10	Q4	de	30	Kf1	Qh2	50					
11	Ne4	Ne4	31	Bc2	f4	51					
12	Bxe4	e5	32	Bd1	h5	52					
13	Qc2	g6	33	Qc3	h4	53					
14	c5	Rf8	34	Rd2		54					
15	Nxe5	Bg7	35			55					
16	Nxd7	Bxd7	36			56					
17	Rfe1	Re7	37			57					
18	Re2	Rae8	38			58					
19	Rae1	Bg4	39			59					
20	f3	Be6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li Shang				SIGNATURE (BLACK) Cheng, Youqi				SIGNATURE (ARBITER) chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.23

Group B12
Round 3
Board 54

WHITE Xu Rui chen				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Zhang Yanyu				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Qa8	Qb8	41					
2	Nc3	Nc6	22	Rbdl	Rb8	42					
3	Nf3	Nf6	23	Cb5	Nd4d4	43					
4	g3	g6	24	Ba8	Ne2	44					
5	Bg2	Bg7	25	Kg2	Re6	45					
6	O-O	O-O	26	h5	Rd8	46					
7	d4	cd	27	Bd8	Nd4	47					
8	Nd4	e6	28	NC6	Bb7	48					
9	Nb85	bb	29	e4	a5	49					
10	Nd6	Rb8	30	Be5	ab	50					
11	Bf4	Ra5	31	Bb8	Ra1	51					
12	Qa4	Nes	32	Ba7	Ba7	52					
13	Nb5	Bb2	33	Na7	Rb1	53					
14	Rub1	Bb7	34			54					
15	Nes	Qe8	35			55					
16	NC7	Qd8	36			56					
17	Na8	c5	37			57					
18	Be3	Bb5	38			58					
19	Nbb	ab	39			59					
20	Bb6	Qa6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu Rui chen				SIGNATURE (BLACK) Zhang Yanyu				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 8
Board 54

WHITE Xu Rui chen				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Ng3	21	Bb6	Ra8	41					
2	Nc3	Nc6	22	Qa8	Ng8	42					
3	Nf3	Nf6	23	Rbdl	Rb8	43					
4	g3	g6	24	C5	Nd4	44					
5	Bg2	Ra7	25	Ba8	NO2	45					
6	O-O	O-O	26	kg2	Ra8	46					
7	d4	CO	27	Rd7	N5	47					
8	CO	Nd4	28	Rd8	Ra8	48					
9	CO	Nb5	29	Rd8	Nd4	49					
10	CO	Nb5	30	Qc1	Nes	50					
11	CO	Nb5	31	Rb8	CL1	51					
12	BS4	Ra8	32	Q5	Ra8	52					
13	Qd4	Nc8	33	Q6	Bb8	53					
14	Nc5	Be3	34	Ra7	Ra8	54					
15	Be3	Qe8	35	Ra7	Nc1	55					
16	NC7	Qd8	36	Ra7		56					
17	Na8	c5	37			57					
18	Be3	Bb5	38			58					
19	Nbb	ab	39			59					
20	Bb6	Qa6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu Rui chen				SIGNATURE (BLACK) Zhang Yanyu				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/26 Board 55

Group B12
Round 8

WHITE Sun Yitong				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Babkin				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Su4	C5	21	C6	B6	41					
2	f4	D5	22	PA4	1D5	42					
3	ed	Kf8	23	PA6	KpD8	43					
4	C4	Bb	24	C7		44					
5	De	Cl6	25			45					
6	Kf3	KC6	26			46					
7	KebKC3	Qc7	27			47					
8	ce2	O-O-O	28			48					
9	O-O	Qd4	29			49					
10	B4	Qc7	30			50					
11	D5	Cg4	31			51					
12	PA4	h4	32			52					
13	h4	Cb	33			53					
14	Cg4	kg4	34			54					
15	Cf4	Qc5	35			55					
16	KD4	Qd6	36			56					
17	C5	PA6	37			57					
18	PA4	Kf6	38			58					
19	Kf6	Qf6	39			59					
20	ce4	Qg6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Sun Yitong				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026/7/26 Board 55

Group B12
Round 8

WHITE Sun Yitong				FED China				RESULT (W) 1			
BLACK Babkin Timofey				FED RUS				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	C5	21	C6	b6	41					
2	f4	d5	22	Qd4	Rd5	42					
3	ed	Nt6	23	Qd6	Kd8	43					
4	C4	d6	24	C7		44					
5	ed	Bd6	25			45					
6	Nt3	Nf6	26			46					
7	Nc3	Qc2	27			47					
8	Be2	O-O-O	28			48					
9	O-O	Qf4	29			49					
10	d4	Qc7	30			50					
11	d5	Bg4	31			51					
12	Qd4	Nd4	32			52					
13	Nd4	d	33			53					
14	Bg4	Ng4	34			54					
15	Bf4	Qc5	35			55					
16	Ne4	Qb6	36			56					
17	C5	Qd6	37			57					
18	Qd4	Nt6	38			58					
19	Nt6	Qf6	39			59					
20	Be5	Qg6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Sun Yitong				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

Round

Board

10:54

WHITE <i>Weng Hao teng</i>				FED <i>CHN</i>				RESULT (W) $\frac{1}{2}$			
BLACK <i>Zhang Jin rui</i>				FED <i>CHN</i>				RESULT (B) $\frac{1}{2}$			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf3	Rf6	41					
2	c4	e6	22	Ng3	Ng3	42					
3	Nf3	b6	23	Qe5	Re5	43					
4	Bg5	Be7	24	Bf3	Rd8	44					
5	e3	Bb7	25	Rd4	Rd7	45					
6	Bd3	h6	26	Rd1	Bc8	46					
7	Bh4	O-O	27	g3	Kf8	47					
8	O-O	Q5	28	Bg2	Ke7	48					
9	Nc3	d5	29	h4	Ng5	49					
10	cd	e4	30	Rb2	Nc3	50					
11	dc	bc	31	bc	et	51					
12	Be2	Nb6	32	A7		52					
13	Qb3	Nb6	33			53					
14	Rfd1	Nf7	34			54					
15	Bg3	Rc8	35			55					
16	h3	c4	36			56					
17	Qc2	Bf6	37			57					
18	Nd4	Be5	38			58					
19	Be5	Ne5	39			59					
20	Qf5	Qe7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Weng Hao teng</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Zhang</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group

Round

Board

10:54

WHITE <i>Weng Hao teng</i>				FED <i>CHN</i>				RESULT (W) $\frac{1}{2}$			
BLACK <i>Zhang Jin rui</i>				FED <i>CHN</i>				RESULT (B) $\frac{1}{2}$			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf3	Rf6	41					
2	c4	e6	22	Ne5	Qe5	42					
3	Nf3	b6	23	Re5	Re5	43					
4	Bg5	Be7	24	Bf2	Rd8	44					
5	e3	Bb7	25	Rd4	Rd7	45					
6	Bd3	h6	26	Rd1	Bc8	46					
7	Bh4	O-O	27	g3	Kf8	47					
8	O-O	C5	28	Bg2	Ke7	48					
9	Nc3	d5	29	h4	Ng5	49					
10	cd	ed	30	Nf2	Nc3	50					
11	dc	bc	31	bc	a5	51					
12	Be2	Nb6	32			52					
13	Qb3	Nb6	33			53					
14	Rfd1	Nd1	34			54					
15	Bg3	Rc8	35			55					
16	h3	c4	36			56					
17	Qc2	Bf6	37			57					
18	Nd4	Be5	38			58					
19	Be5	Ne5	39			59					
20	Qf5	Qe7	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Weng Hao teng</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Zhang</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.19

Group B12
Round 8
Board 57

WHITE				L _i , Hanyu (GD)		FED	CHN		RESULT (W)	1				
BLACK				Mao xiao xian		FED	CHN		RESULT (B)	0				
#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK		#	WHITE		BLACK	
1	d4	Nf6	21	Rd2	cb	41	f5	Ke8	hg					
2	Nf3	g6	22	Rd2	cb	42	f5	Ke8	hg					
3	g3	Bg7	23	Rd3	Rd3	43	e4	Kf8						
4	Bg2	00	24	Rd2	Ke7	44	e5	Kf6						
5	c4	de	25	ab	Nc6	45	Bb	Ke7						
6	de	Qd7	26	Nat	b4	46	e7	Ke7						
7	1	Rd8	27	Nc4	Rd6	47	Qd5	Ke8						
8	Rd8	Be6	28	Nb5	Nd4	48	Qd5	Ke8						
9	Bb7	Nfd7	29	b7	Nb6	49	Qd5	Ke8						
10	Nd7	Nd7	30	Rd2	Ke8	50	e8=Q	Ke8						
11	Bd8	Rd8	31	Ke8	Nd8	51	Qd5	Ke8						
12	Nb6	00	32	Nb7	Ra7	52	Qd5	Ke8						
13			33	Nc5	Rc7	53								
14	Nc4	Nc4	34	Vc	b7	54								
15	Rd1	Rd8	35	Nc7	b8=Q	55								
16	b3	b3	36	Nc6	f4	56								
17	Bc3	Kg2	37	Ke7	Ke8	57								
18	a	13	38	Ke7	Ke8	58								
19	Bd2	Rb2	39	Qf6	Ke8	59								
20	c4		40	Qg5	Nb6	60								
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				
Lihanyu					Mao xiao xian					chen				

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group B12
Round 8
Board 57

WHITE Lihanyu				FED CHN		RESULT (W) 1		
BLACK Mao Xiaoxian				FED CHN		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rxb2	c4	41	g5	g5
2	Nf3	e6d6	22	Rbd2	Cb	42	avg5	Ng6
3	e3	g6	23	Rd8t	Rxd8	43	f5	Kg7
4	g3	Bg7	24	Rxd8t	Kg7	44	g9	hg
5	Bg2	o-o	25	ab	Nc6	45	e4	Kh8
6	c4	e5	26	Rd6	Nat5	46	e5	Kh7
7	de	de	27	b5	Nb.c5	47	e6	Kg7
8	Qxd8	Rxd8	28	Rab	Nb6	48	e7	K57
9	Nxe5	Rd3	29	Rxa7	Nd5	49	Qe5	Ke8
10	Bxb7	Nxd87	30	b5	Nb6	50	Qdb	g5
11	Nxd7	Nxd2	31	Rab	Nc8	51	Qd8t	K47
12	Bxa8	Rxe8	32	b6	Ndb	52	e8=Q	K97
13	Nd2	Nb6	33	Ra1	Nb7	53	Qg5+	Kh7
14	O-O	Bxc4	34	Ra7	Nc5	54	Qg8t	
15	Nxc4	Nxc4	35	Rc7	Nab	55		
16	Rd1	Rb8	36	b7	Nxc7	56		
17	b3	Bc3	37	b8=Q	Neb	57		
18	Rd1	Ne5	38	f4	Nf8	58		
19	Kg2	c5	39	Qe5+	g6	59		
20	Rd2	Bxb2	40	Qe7+	Kg8	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
			Mao Xiaoxian			chen		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 28/7/26
Board: 58

Group: B12
Round: 8

WHITE: Zhang Yun Song				FED: CHN				RESULT: 1/2			
BLACK: Song Yuchen (ST)				FED: SGP				RESULT: 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bd6	Nf7	41	Nd6	Qd6			
2	c4	g6	22	Nf7	Kf7	42	Rd3	Bf4			
3	Nc3	Bg7	23	c5	kg8	43	Qe2	h6			
4	e4	db	24	ef	Bf5	44	Ne4	Qe5			
5	Nf3	o-o	25	Bc4	kh8	45	Nc3	Qf6			
6	Be2	Nbd7	26	Qe2	o4	46	cb	ab			
7	o-o	es	27	Qe3	Nd7	47	Nd1	c5			
8	Be3	Re8	28	g4	Ne5	48	bc	bc			
9	Qc2	Ng4	29	Be5	Qe5	49	Qe4	h5			
10	Bg5	fb	30	Ne2	Bob	50	Ne3	Bg2			
11	Bc1	Rf8	31	Be6	Qe6	51	Nd1	Bf2			
12	h3	Nh6	32	a3	Rf8	52					
13	de	de	33	Ng3	Qa2	53					
14	Be3	cb	34	Ne4	Qc2	54					
15	Rad1	Qc7	35	Qd3	Qb2	55					
16	b4	fs	36	Rd2	Ga1	56					
17	Ng5	Nf6	37	kg2	Qes	57					
18	Bc5	Rob	38	Ng3	Qf4	58					
19	Rob	Qd8	39	Qe3	Qc7	59					
20	Rd1	Qe8	40	Ne4	Be5	60					
SIGNATURE (WHITE): Zhang Yun Song				SIGNATURE (BLACK): Song Yuchen				SIGNATURE (ARBITER): chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 7/12/26
Board: 58

Group: B12
Round: 8

WHITE: Zhang Yun Song				FED: CHN				RESULT: 1/2			
BLACK: Song Yuchen (ST)				FED: SGP				RESULT: 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bd6	Nf7	41	Nd6	Qd6			
2	c4	g6	22	Nf7	Kf7	42	Rd3	Bf4			
3	Nc3	Bg7	23	c5	kg8	43	Qe2	b6			
4	e4	db	24	ef	Bf5	44	Ne4	Qe5			
5	Nf3	o-o	25	Bc4	kh8	45	Nc3	Qf6			
6	Be2	Nbd7	26	Qe2	ef	46	cb	ab			
7	o-o	es	27	Qe3	Nd7	47	Nd1	c5			
8	Be3	Re8	28	g4	Ne5	48	bc	bc			
9	Qc2	Ng4	29	Be5	Qe5	49	Qe4	h5			
10	Bg5	fb	30	Ne2	Bob	50	Ne3	Bg2			
11	Bc1	Rf8	31	Be6	Qe6	51	Nd1	Bf2			
12	h3	Nh6	32	a3	Rf8	52					
13	de	de	33	Ng3	Qa2	53					
14	Be3	cb	34	Ne4	Qc2	54					
15	Rad1	Qc7	35	Qd3	Qb2	55					
16	b4	fs	36	Rd2	Ga1	56					
17	Ng5	Nf6	37	kg2	Qes	57					
18	Bc5	Rob	38	Ng3	Qf4	58					
19	Rob	Qd8	39	Qe3	Qc7	59					
20	Rd1	Qe8	40	Ne4	Be5	60					
SIGNATURE (WHITE): Zhang Yun Song				SIGNATURE (BLACK): Song Yuchen				SIGNATURE (ARBITER): chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 8
Date 23/7 Board 59

WHITE Zhao, Ziyu				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Wong Hoi Ching				FED HKG				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	12a1	Qc5	41					
2	d4	d5	22	Qxc5	Bxc5	42					
3	e5	Bf5	23	12b7	Bxd4	43					
4	Bd3	Bxd3	24	Cxd4	Rxd4	44					
5	Qxd3	e6	25	Rxa7	Rd2	45					
6	1Ve2	Ne7	26	f3	Rc8	46					
7	1Vd2	1Vd7	27	Rb1	h6	47					
8	O-O	c5	28			48					
9	Cd3	1Vc6	29			49					
10	1Vf3	Be7	30			50					
11	Be3	f6	31			51					
12	Bf4	O-O	32			52					
13	Ke1	Pxe5	33			53					
14	Nxe5	1Vdxe5	34			54					
15	Bxe5	Nxe5	35			55					
16	dxe5	Qb6	36			56					
17	b3	c4	37			57					
18	bxc4	dxc4	38			58					
19	Qxc4	Rd8	39			59					
20	1Vd4	Rd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhao ziyu				SIGNATURE (BLACK) Wong Hoi Ching				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

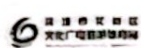


Group B12
Round 8
Date 23 Board 59

WHITE 赵子瑜				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK 王浩庆				FED HKG				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rb1	Qc5	41					
2	d4	d5	22	Qxc5	Bxc5	42					
3	e5	Bf5	23	Rxd7	Bxd4	43					
4	Bd3	Bxd3	24	Cxd4	Rxd4	44					
5	Qxd3	e6	25	Rxd7	Rd2	45					
6	Ne2	Ne7	26	f3	Rc8	46					
7	Nd2	Nd7	27	Rb1		47					
8	O-O	c5	28			48					
9	c3	Ng6	29			49					
10	Nf3	Bd7	30			50					
11	Be3	f6	31			51					
12	Bf4	O-O	32			52					
13	Re1	fxc5	33			53					
14	Nxe5	Nxe5	34			54					
15	Bxe5	Ne5	35			55					
16	dxe5	Qb6	36			56					
17	b3	c4	37			57					
18	bxc4	dxc4	38			58					
19	Qxc4	Rd8	39			59					
20	Kd4	Rd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhao ziyu				SIGNATURE (BLACK) Wong Hoi Ching				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 22/6/2026 Board 60

Group B12
Round 8
Board 60

WHITE Farsat Hossain Ayyaah				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Tanaphetsawad Pasit				FED THA				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	O-O	Ke8	41					
2	c4	e6	22	Be4	Bxe4	42					
3	Nc3	Nf6	23	Qxe4	Kf8	43					
4	cxd5	exd5	24	Qf5	Ke7	44					
5	Bg5	Be7	25	Rc7+	Kd6	45					
6	e3	Be6	26	Qd7+		46					
7	Bd3	h6	27			47					
8	Bg5	Nc6	28			48					
9	a3	a6	29			49					
10	Qc2	Na5	30			50					
11	Rc1	cb	31			51					
12	Nge2	Qb6	32			52					
13	Nf4	Bd7	33			53					
14	Bxf6	Bxf6	34			54					
15	Nxd5	cxd5	35			55					
16	Nxd5	Qd8	36			56					
17	Nc7+	Kf8	37			57					
18	Nxa8	Nc6	38			58					
19	d5	Qxa8	39			59					
20	dxc6	Bxc6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Farsat Hossain Ayyaah</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Tanaphetsawad Pasit</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/6/2026 Board 60

Group B12
Round 8
Board 60

WHITE Farsat Hossain Ayyaah				FED BAN				RESULT (W) 1			
BLACK Tanaphetsawad Pasit				FED THA				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	O-O	Ke8	41					
2	c4	e6	22	Be4	Bxe4	42					
3	*Nc3	Nf6	23	Qxe4	Kf8	43					
4	cxd5	exd5	24	Qf5	Ke7	44					
5	Bg5	Be7	25	Rc7+	Kd6	45					
6	e3	Be6	26	Qd7+		46					
7	Bd3	h6	27			47					
8	Bh4	Nc6	28			48					
9	a3	a6	29			49					
10	Qc2	Na5	30			50					
11	Qc1	c6	31			51					
12	Nge2	Qb6	32			52					
13	Nf4	Bd7	33			53					
14	Bxf6	Bxf6	34			54					
15	Nxd5	cxd5	35			55					
16	Nxd5	Qd8	36			56					
17	Nc7+	Kf8	37			57					
18	Nxa8	Nac6	38			58					
19	d5	Qxa8	39			59					
20	dxc6	Bxc6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Farsat Hossain Ayyaah</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Tanaphetsawad Pasit</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10.42

Group B2
Round 8
Date
Board 61

WHITE				BLACK				RESULT (0)			
yamao											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	b4	Ra6	41	Ra7	128	3		
2	Nc3	d5	22	Ra6	Ra6	42	Kg4	Rc3	4		
3	ed	cd	23	f3	R66	43	Ng1	Rc3	5		
4	d4	Nf6	24	d4	Ra6	44	Kf5	Rc2	6		
5	Nf3	Bg4	25	Kf2	Nc3	45	Rf2	Nc3	7		
6	Bd2	e6	26	Nc3	Nc6	46	Ra4	Ra6	8		
7	Nc5	Bc2	27	Rb1	Nc4	47			9		
8	Qc2	Nd7	28	Kd3	Rc2	48	Nc6	Kc4	10		
9	Nd7	Qd7	29	Rb1	Nb2	49	Kc5	Rf5	11		
10	Qd5	Qd5	30	Kc2	Nd1	50	Kg4	d4	12		
11	Nb5	Kd7	31	Kd1	Kc6	51	Ne7		13		
12	O-O	a6	32	Qd1	Kc5	52			14		
13	Nc3	b5	33	a4	Kc4	53			15		
14	Nc2	Bd6	34	Kd1	Rc7	54			16		
15	Bf4	Bf4	35	Kd2	Rb1	55			17		
16	Nf4	Rc1	36	N5	Rf3	56			18		
17	C3	Rg6	37	f3	Rh4	57			19		
18	Ne2	Rc7	38	g5	Rf5	58			20		
19	Q4	Ra6	39	Rc3	h6	59					
20	a6	Ba7	40	g1	g1	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Huang Ziyuan				Yamao							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



10.42

Group B2
Round 8
Date
Board 61

WHITE				BLACK				RESULT (0)			
Huang Ziyuan				Yamao							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	bxa6	Rxa6	41	Kf3	Rh3	1		
2	Nc3	d5	22	Rxa6	Rxa6	42	Kg4	Rc3	2		
3	exd5	cxd5	23	f3	Rb6	43	Ng1	Rc3	3		
4	d4	Nf6	24	b4	Ra6	44	Kf2	Rc2	4		
5	Nf3	Bg4	25	Kf2	Nc3	45	Nf3	Rf2	5		
6	Be2	e6	26	Kc5	Nc6	46	Ne5	Kc4	6		
7	Ne5	Bxe2	27	Rb1	Nc4	47	Kxh6	Rxf4	7		
8	Gxe2	Nd6	28	Kd3	Ra2	48	Kc6	Kc4	8		
9	Nxd7	Qxd7	29	Rd1	Nb2	49	Kg5	Rf5	9		
10	Qb5	Qxh5	30	Kc2	Nrr2	50	Kg4	d4	10		
11	Nxh5	Kd7	31	Kxh2	Kc6	51	Ne7		11		
12	O-O	a6	32	g4	Kb5	52			12		
13	Nc3	Nb5	33	h4	Kc4	53			13		
14	Ne2	Bb6	34	Kel	Ra1	54			14		
15	Bf4	Bxf4	35	Kd2	Rh1	55			15		
16	Nxf4	Ra8	36	h5	Rh3	56			16		
17	C3	Rb8	37	f4	Rh4	57			17		
18	Ne2	Rc7	38	g5	Rxb5	58			18		
19	q4	Ra8	39	Kc3	h6	59			19		
20	axb5	Rc9	40	gxb6	gxb6	60			20		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Huang Ziyuan				Yamao							



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 8

Date 2026.7.23 Board 62

WHITE Lee Jiho				FED KOR				RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhao Yiren				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b4	Ra6	41	Kd3	Kxd5			
2	c3	Nc6	22	b5	Ra5	42	Ra7	e4+			
3	d4	cd4	23	Ne2	Be5	43	Kd2	e5			
4	cd4	d6	24	Bef d4	d4	44	Rd7	Kc5			
5	d5	Ne5	25	Nc1	gxf5	45	Rc7	Kb6			
6	f4	Nd7	26	Nb3	b6	46	Rf7	f5			
7	Nf3	g6	27	Nax	bar	47	Rf6	Kb7			
8	cd4	f6	28	Qf5	Nh6	48	Rh6	Nb3+			
9	Ng5	Qa5+	29	Rc1	16d7	49	Ke3	Nc5			
10	Bd2	Qc5	30	Rxb6	Rc8	50	Rh5	f4+			
11	Qc5	Nc5	31	Rd8	Rf1 Kd7	51	Ke2	f3+			
12	Bb5	Bd7	32	Rf1 Bf3	Ng4	52	gxf3	ext3+			
13	Bd7	Nd7	33	Rf3	Nh2	53	Kxf3	Nxa4			
14	Ne6	Rc8	34	Rg3	h5	54	Rxe5	Kb6			
15	Nc3	Nc5	35	Rg8	Kc7	55	Ke4	Nc3+			
16	Nc5	Rc5	36	Rd8	Kd6	56	Kd4	Nxb5			
17	Be3	Ra6	37	Ra8	Ng4	57	Kc4	Nc7			
18	a4	Bg7	38	Ke2	Nh6	58	Rh5	Kc6			
19	f5	Bh6	39	Ra7	Nf7	59	Rh6	Kd7			
20	13d4	13f4	40	Ra5	13d4	60	Kc5	Nc6+			
SIGNATURE (WHITE) <i>Lee Jiho</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Zhao Yiren</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 8

Date 7/23/26 Board 62

WHITE Lee Jiho				FED KOR				RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhao Yiren				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b4	Ra6	41	Kd3	Kxd5			
2	c3	Nc6	22	b5	Ra5	42	Ra7	e4+			
3	d4	cd4	23	Ne2	Be5	43	Kd2	e5			
4	cd4	d6	24	Bxe5	dxe5	44	Rd7+	Kc5			
5	d5	Ne5	25	Nc1	gxf5	45	Rc7+	Kb6			
6	f4	Nd7	26	Nb3	b6	46	Rf7	f5			
7	Nf3	g6	27	Nxa5	bra5	47	Rf6+	Kb7			
8	Qd4	f6	28	exf5	Nh6	48	Rh6	Nb3+			
9	Ng5	Qa5+	29	Rc1	Kd7	49	Ke3	Nc5			
10	Bd2	Qc5	30	Rc6	Rc8	50	Rxh5	f4+			
11	Qxc5	Nxc5	31	Rxc8	Kxc8	51	Ke2	f3+			
12	Bb5+	Bd7	32	Rf1	Ng4	52	gxf3	ext3+			
13	Bxd7+	Nxd7	33	Rf3	Nxh2	53	Kxf3	Nxa4			
14	Ne6	Rc8	34	Rg3	h5	54	Rxe5	Kb6			
15	Nc3	Nc5	35	Rg8+	Kc8	55	Ke4	Nc3+			
16	Nxc5	Rxc5	36	Re6	Kd6	56	Kd4	Nxb5			
17	Be3	Ra5	37	Ra8	Ng5	57	Kc4	Nc7			
18	a4	Bg7	38	Ke2	Nh6	58	Rh5	Kc6			
19	f5	Bh6	39	Rxa7	Nxf5	59	Rh6+	Kd7			
20	Bd4	Bf4	40	Rxa5	Nd4+	60	Kc5	Nc6+			
SIGNATURE (WHITE) <i>Lee Jiho</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Zhao Yiren</i>				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 8

Date 2026.7.23 Board 62

WHITE Lee Jiho				FED KOR				RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhao Yiren				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kd5	Nc7	21			41					
2	Ke5	Nc8 Nc8	22			42					
3	Rh7	Kc6	23			43					
4	Rh6	Kd7	24			44					
5	Ra6	Nc7	25			45					
6	Rd6	Kc8	26			46					
7	Rc6	Kd7	27			47					
8	Rd6	Kc8	28			48					
9	Rh6	Kd7	29			49					
10	Kd4	Ne6	30			50					
11	Kd5	Nc7	31			51					
12	Kc5	Ne6	32			52					
13	Kb6	Kd6	33			53					
14	Rh1	Kc5 Kc5	34			54					
15	Re1	Kd5	35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Lee Jiho</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Zhao Yiren</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 8

Date 7/23/26 Board 62

WHITE Lee Jiho				FED KOR				RESULT (W) 1/2			
BLACK Zhao Yiren				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Kd5	Nc7+	21			41					
2	Kc5	Ne6	22			42					
3	Rh7+	Kc6	23			43					
4	Rh6+	Kd7	24			44					
5	Ra6	Nc7	25			45					
6	Rd6+	Kc8	26			46					
7	Rc6	Kd7	27			47					
8	Rd6+	Kc8	28			48					
9	Rh6	Kd7	29			49					
10	Kd4	Ne6+	30			50					
11	Kd5	Nc7+	31			51					
12	Kc5	Ne6+	32			52					
13	Kb6	Kd6	33			53					
14	Rh1	Ke5	34			54					
15	Re1+	Kd5	35			55					
16	Time Left: 0:3:54		36	Time Left: 0:08:03		56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Lee Jiho</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Zhao Yiren</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7-23
Round 8
Board 63

WHITE				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK				FED KOR				RESULT (B) 0			
Liu, Anfeng				Kim, Luasjwan							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Cxd5	Rc8	41	Nf5+	kg6			
2	Nf3	Nc6	22	b5	as	42	Rb1	Nf4			
3	Bc4	Nf6	23	Nd4	Nh7	43	Rc1	Kf6			
4	d3	h6	24	Nc6	Qf6	44	Rxc3	Nf6			
5	c3	Bc5	25	Nc4	Bxc6	45	Kf2	h5			
6	O-O	d6	26	bxc6	Rd8	46	d6	Rc8			
7	h3	O-O	27	b4	axb4	47	d7	Rd8			
8	Be3	Bb6	28	Rab1	b5	48	c7	Rxd7			
9	Nbd2	a6	29	Na5	Qc3	49	c8=Q	e5			
10	Re1	Bxe3	30	Qxc3	bxc3	50	Rc6+	Nxc6			
11	fxe3	Na5	31	Nb7	Re7	51	Qxc6+	Ke5			
12	Bb3	Nxb3	32	Nxb6	b4	52	Qd7	Ke5g4			
13	axb3	Be6	33	Rb3	Nf6	53	axd7	Ke3 gxf3			
14	d4	exd4	34	Kf2	g5	54	Qd6+				
15	exd4	Re8	35	Nc4	Rc7	55					
16	d5	Bg8	36	Kf3	Nh5	56					
17	Qc2	b6	37	Rc1	Rc8	57					
18	b4	Bb7	38	Nd6	Rc7	58					
19	c4	c6	39	Rxc3	bxc3	59					
20	Qd3	Cxd5	40	Rxb8+	Kg7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Liu, Anfeng				Lee				chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 22/04
Round 8
Board 63

WHITE				BLACK				
Liu, Anfeng				Kim, Luasjwan				
FED CHN				FED KOR				
RESULT (W)				RESULT (B)				
1				0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qe5	Rd8	41	Nf5+	Kg6
2	Nf3	Nc6	22	b5	Q5	42	Rb1	Nf4
3	Bc4	Nf6	23	Nd4	Nh7	43	Rc1	Kf6
4	d3	h6	24	Nc6	Qf6	44	Rxc3	Nf6
5	c3	Bc5	25	Nc4	Bxc6	45	Kf2	h5
6	O-O	d6	26	Qxc6 bxc6	Rd8	46	d6	Rc8
7	h3	O-O	27	b4	axb4	47	d7	Rd8
8	Be3	Bb6	28	Rab1	b5	48	c7	Rxd7
9	Nbd2	a6	29	Na5	Qc3	49	c8=Q	e5
10	Re1	Bxe3	30	Qxc3	bxc3	50	Rc6+	Nxc6
11	fxe3	Na5	31	Nb7	Re7	51	Rxc6+	Ke5
12	Bb3	Nxb3	32	Nxb6	b4	52	Qd7	Ke5g4
13	axb3	Be6	33	Rb3	Nf6	53	Kc3	gxf3
14	d4	exd4	34	Kf2	g5	54	Qd6+	
15	exd4	Re8	35	Nc4	Rc7	55		
16	d5	Bc8	36	Kf3	Nh5	56		
17	Qc2	b6	37	Rc1	Rc8	57		
18	b4	Bb7	38	Nd6	Rc7	58		
19	c4	c6	39	Rxc3	bxc3	59		
20	Qd3	cxd5	40	Rxb8+	Kg7	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Liu, Anfeng				Lee				
				chen				



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B-12
Round
X8
Round
64

WHITE Azimov Azimkhan		FED kaz		RESULT (W)	
BLACK Zhuge Shenlin		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	kf6	21		
2	c4	e6	22		
3	kf3	d5	23		
4	kc3	c5	24		
5	e3	cc4	25		
6	cd3	B6	26		
7	O-O	cb4	27		
8	b3	cd	28		
9	ed	kc6	29		
10	cbh	nc8	30		
11	a3	ca6	31		
12	cd	cd3	32		
13	pb3	kd5	33		
14	Nfe1	O-O	34		
15	nc1	kc3	35		
16	nc3	cf6	36		
17	ac4	pd4	37		
18	h3	Nfd5	38		
19	ne4	h6	39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE) Azimov Azimkhan		SIGNATURE (BLACK) Zhuge Shenlin		SIGNATURE (ARBITER) chen	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B-12
Round
8
Round
64

WHITE Azimov Azimkhan		FED kaz		RESULT (W)	
BLACK Zhuge Shenlin		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21		
2	c4	e6	22		
3	Nf3	d5	23		
4	nc3	c5	24		
5	e3	Be7	25		
6	Bd3	h6	26		
7	O-O	Bb7	27		
8	b3	cd	28		
9	ed	nc6	29		
10	Bb2	Rc8	30		
11	a4	Bab	31		
12	cd	Bd3	32		
13	Qd3	Nd5	33		
14	Rfe1	O-O	34		
15	Rab1	Nc8	35		
16	Rc3	Bf6	36		
17	Rc4	Qd7	37		
18	h3	Rfd8	38		
19	Rd4	h6	39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE) Azimov Azimkhan		SIGNATURE (BLACK) Zhuge Shenlin		SIGNATURE (ARBITER) chen	

